

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

---



# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH LUẬT**

**HẢI PHÒNG – 2022**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

-----

**QUYỀN TỰ DO KINH DOANH THEO**  
**PHÁP LUẬT VIỆT NAM – NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN**  
**VÀ THỰC TIỄN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**  
**NGÀNH LUẬT**

**Sinh viên**                      **Nguyễn Xuân Sơn**  
**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lê Thu Trang**

**HẢI PHÒNG – 2022**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

---

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Xuân Sơn

Mã SV: 1712901009

Lớp : PL2102

Ngành : Luật

Tên đề tài: **Quyền tự do kinh doanh theo pháp luật Việt Nam – những vấn đề lý luận và thực tiễn.**

## **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

### **1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp**

Một số vấn đề lý luận về quyền tự do kinh doanh theo pháp luật Việt Nam. Thực trạng pháp luật về quyền tự do kinh doanh và thực tiễn tại Hải Phòng. Các phương hướng , giải pháp đưa ra để hoàn thiện pháp luật

### **2. Các tài liệu, số liệu cần thiết**

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp năm 1992.
2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp năm 2013
3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Bộ luật Dân sự năm 2015.
4. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Luật doanh nghiệp 2020
5. Luật đầu tư năm 2020
6. Chính phủ, Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 quy định chi tiết về xử phạt vì phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư

### **3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp**

Tòa nhà VNPT, Lô C6 đường Lê Hồng Phong – Đằng Hải – Hải Phòng

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Họ và tên** : Lê Thu Trang

**Học hàm, học vị** : Thạc sĩ

**Cơ quan công tác** : Trường Đại học Hải Phòng

**Nội dung hướng dẫn:** Quyền tự do kinh doanh theo pháp luật Việt Nam – những vấn đề lý luận và thực tiễn.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 13 tháng 12 năm 2021

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 02 tháng 04 năm 2022

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Giảng viên hướng dẫn*

Nguyễn Xuân Sơn

ThS. Lê Thu Trang

*Hải Phòng, ngày 01 tháng 04 năm 2022*

**XÁC NHẬN CỦA KHOA**

## MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN .....	8
MỞ ĐẦU .....	9
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN TỰ DO KINH DOANH THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM .....	15
1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa quyền tự do kinh doanh.....	155
1.1.1. Khái niệm quyền tự do kinh doanh .....	155
1.1.2. Đặc điểm quyền tự do kinh doanh .....	166
1.1.3. Ý nghĩa quyền tự do kinh doanh .....	177
1.1.4. Ý nghĩa về mặt chính trị - pháp lý .....	177
1.1.5. Ý nghĩa về mặt kinh tế - xã hội.....	177
1.2. Nội dung quyền tự do kinh doanh.....	188
1.2.1. Quyền tự do thành lập doanh nghiệp. ....	199
1.2.2. Quyền lựa chọn ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh (đối tượng kinh doanh) .....	199
1.2.3. Quyền tự do hợp đồng.....	20
1.2.4. Quyền tự quyết định các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh .....	20
1.2.5. Quyền tổ chức lại, rút lui khỏi thị trường .....	23
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quy định pháp luật và thực hiện quyền tự do kinh doanh. ....	23
1.3.1. Chế độ chính trị .....	23
1.3.2. Mức độ nghi nhận và sự minh bạch của pháp luật.....	24
1.3.3. Ý thức pháp luật và đạo đức kinh doanh.....	25
KẾT LUẬN CHƯƠNG I .....	26
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TỰ DO KINH DOANH VÀ THỰC TIỄN .....	27
2.1. Thực trạng pháp luật về quyền tự do kinh doanh .....	27
2.1.1. Thực trạng quy định của pháp luật về quyền tự do thành lập doanh nghiệp, sở hữu tài sản.....	27
2.1.2. Thực trạng quy định của pháp luật về quyền lựa chọn ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh (đối tượng kinh doanh).....	32

2.1.3. Thực trạng quy định của pháp luật về quyền tự do hợp đồng .....	33
2.1.4. Thực trạng quy định của pháp luật về quyền tự quyết định các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh .....	37
2.1.5. Thực trạng quy định của pháp luật về quyền tổ chức lại, rút lui khỏi thị trường .....	40
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về quyền tự do kinh doanh tại Hải Phòng hiện nay .....	40
2.3. Hạn chế, vướng mắc trong việc hiểu và vận dụng thể chế thực hiện pháp luật về quyền tự do kinh doanh .....	444
TỔNG KẾT CHƯƠNG 2.....	466
CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT .....	477
3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về quyền tự do kinh doanh .....	47
3.1.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về quyền tự do kinh doanh .....	477
3.1.2. Đảm bảo tính hài hòa với pháp luật quốc tế.....	477
3.1.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền tự do kinh doanh.....	488
3.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật .....	52
Các giải pháp chung .....	53
TỔNG KẾT CHƯƠNG 3.....	566
KẾT LUẬN CHUNG.....	577
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	588

## LỜI CẢM ƠN

Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Luật với Đề tài “*Quyền tự do kinh doanh theo pháp luật Việt Nam- Những vấn đề lý luận và thực tiễn*” là kết quả của quá trình cố gắng không ngừng nghỉ của bản thân và được sự giúp đỡ tận tình, động viên khích lệ của thầy cô, bạn bè và người thân. Qua đây, Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến những người đã giúp đỡ em trong thời gian học tập - Nghiên cứu khoa học vừa qua.

Em xin trân trọng gửi đến cô Thạc sĩ Lê Thu Trang - Người đã trực tiếp tận tình hướng dẫn cũng như cung cấp tài liệu, thông tin khoa học cần thiết cho bài luận này lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất.

Xin cảm ơn lãnh đạo, Ban giám hiệu cùng toàn thể các thầy cô giáo trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng khoa Quản trị kinh doanh và bộ môn Luật đã tạo điều kiện cho em hoàn thành tốt công việc nghiên cứu khoa học của mình.

Cuối cùng, em xin cảm ơn gia đình, người thân, bạn bè đã luôn bên cạnh, ủng hộ, động viên.

Em xin chân thành cảm ơn!”



## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền tự do kinh doanh có ý nghĩa chính trị rất lớn, nó là biểu hiện của chế độ tự do, dân chủ, bình đẳng và tiến bộ xã hội. Một chế độ xã hội tiến bộ, văn minh luôn hướng tới việc giải phóng con người, tạo điều kiện cho con người được phát triển toàn diện năng lực, thể chất để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Vì quyền tự do kinh doanh là biểu hiện của quyền tự do, dân chủ nên tôn trọng quyền tự do kinh doanh chính là tôn trọng quyền con người, quyền dân chủ. Nó thể hiện bản chất của Nhà nước ta là “Nhà nước của dân, do dân và vì dân”.

Đối với mỗi xã hội khác nhau, trong từng thời kỳ lịch sử cụ thể, mức độ ghi nhận và bảo đảm của Nhà nước tại Hiến pháp và pháp luật về quyền tự do kinh doanh cũng khác nhau. Điều này tùy thuộc vào hệ thống pháp luật và khả năng của các cơ quan nhà nước trong việc thực thi pháp luật.

Ngay sau khi đổi mới (năm 1986), tự do kinh doanh đã chính thức trở thành quyền pháp định. Điều 4 Luật Doanh nghiệp (1990) quy định “*trong khuôn khổ pháp luật, công ty có quyền tự do kinh doanh*”. Đến Hiến pháp năm 1992 thì tự do kinh doanh đã trở thành quyền hiến định: “*Công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật*” (Điều 57). Đặc biệt Hiến pháp năm 2013 đã kế thừa và phát huy tinh ưu việt của những bản Hiến pháp trước đó, đã tiếp tục ưu tiên phát huy nhân tố con người, thể hiện sâu sắc hơn quan điểm bảo vệ, tôn trọng quyền con người, bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân, xác lập đầy đủ hơn quyền tự do kinh doanh và cơ chế quyền tự do kinh doanh, với quy định mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm, (Điều 33).

Để triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 đã có nhiều văn bản luật được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới, trong đó có các đạo luật cơ bản thể chế hóa nguyên tắc tự do kinh doanh như Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Doanh nghiệp năm 2020 ...

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, vẫn còn nhiều bất cập mà pháp luật Việt Nam vẫn chưa dự liệu hết hoặc đã dự liệu nhưng chưa đảm

bảo tính hợp lý cần phải được tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện, chẳng hạn như cơ chế quyền tự do kinh doanh trong vấn đề thể chế, thiết chế còn bất cập, chưa phát huy được vai trò, trách nhiệm của các chủ thể trong quá trình tham gia quyền tự do kinh doanh; thực tế thực hiện quyền tự do kinh doanh của công dân không được đảm bảo đúng như quy định của pháp luật... Do vậy, việc nghiên cứu đề tài “Quyền tự do kinh doanh theo pháp luật Việt Nam- Những vấn đề lý luận và thực tiễn” thực sự có ý nghĩa và cần thiết.

## **2. Tình hình nghiên cứu**

Nhóm các công trình, bài viết sáng tỏ các vấn đề lý luận cơ bản về quyền tự do kinh doanh

Quyền con người trong thế giới hiện đại do TS. Phạm Khiêm Ích và GS.TS Hoàng Văn Hảo chủ biên, NXB. Chính trị Quốc gia; Pháp luật trong cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước của PGS.TS Trần Ngọc Đường, NXB. Tư pháp: Quan điểm pháp luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường của PGS.TS Trần Trọng Hựu xuất bản năm 2015 tại NXB, Tri thức; Một số vấn đề cấp thiết cần giải quyết để đảm bảo quyền tự do kinh doanh của TS. Dương Đăng Huệ xuất bản năm 2013, NBX. Tư pháp; Pháp luật kinh tế nước ta trong bước chuyển sang kinh tế thị trường của TS. Nguyễn Như Phát xuất bản năm 2014, NBX. KHXH; Môi trường pháp luật kinh tế đầy đủ phù hợp với cơ chế thị trường của TS. Hoàng Thế Liên; Pháp luật và quyền tự do kinh doanh của PGS.TS Lê Hồng Hạnh; Hoàn thiện luật kinh tế ở Việt Nam trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Quyền tự do kinh doanh trong pháp luật kinh tế Việt Nam;...Những công trình nghiên cứu này đã bước đầu hình thành khung lý thuyết cơ bản về pháp luật kinh tế phù hợp với nền kinh tế thị trường ở Việt Nam. Các công trình nghiên cứu này đã bước đầu đặt những viên gạch đầu tiên nghiên cứu về quyền tự do kinh doanh. Quyền tự do kinh doanh được coi là vấn đề nghiên cứu liên ngành được gắn với với những vấn đề rất nhạy cảm có quan hệ mật thiết với nhiều lĩnh vực: chính trị, kinh tế, xã hội và pháp luật. Pháp luật là phương tiện quan trọng nhất đảm bảo cho quyền tự do kinh doanh được thực hiện và phát huy giá trị tích cực trong cuộc sống. Do quyền tự do kinh

doanh được pháp luật điều chỉnh trên tất cả các khía cạnh của đời sống pháp luật. Quyền tự do kinh doanh được đặt trong mối quan hệ của quá trình thực hiện đổi mới toàn diện cả cấu trúc và cơ chế vận hành nền kinh tế với nội dung chính là từ bỏ cơ chế kế hoạch hoá tập trung bao cấp, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng XHCN.

*- Nhóm công trình nghiên cứu quyền tự do kinh doanh dưới khía cạnh các biện pháp bảo đảm quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp, nhà đầu tư.*

Luận văn thạc sỹ về Quyền tự do kinh doanh trong pháp luật kinh tế Việt Nam của tác giả Nguyễn Hòa, năm 2016, Trường Đại học Luật Tp.HCM, Luận văn thạc sỹ về Luật Doanh nghiệp 2015 với việc mở rộng quyền tự do kinh doanh ở Việt Nam, của tác giả Trần Anh Tuấn, năm 2016, trường Đại học Luật Hà Nội; Luận văn thạc sỹ luật học về Pháp luật về quyền tự do kinh doanh của cá nhân hoạt động thương mại - một số vấn đề lý luận và thực tiễn của tác giả Nguyễn Thu Huyền, năm 2015, Trường Đại học Luật Hà Nội; Luận văn thạc sỹ luật học về Quyền tự do thành lập doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp năm 2014, của tác giả Trần Thị Thu Trang, năm 2015, Trường Đại học Luật là Nội. Cuốn sách “Quyền tự do kinh doanh theo pháp luật liên minh Châu Âu và Việt Nam” của TS. Phan Huy Hồng và TS. Nguyễn Thanh Tú, NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, năm 2012.

*- Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan quyền tự do kinh doanh trong mối quan hệ tự do hợp đồng*

Liên quan đến vấn đề được thể hiện rõ nét trong công trình nghiên cứu như: TS. Bùi Ngọc Cường, Một số vấn đề về quyền tự do kinh doanh trong pháp luật kinh tế hiện hành, Nxb Chính trị Quốc gia, H, 2004, và quan điểm của giáo sư Hideki Kanda và Curtis J.Mihaupt, trong "Re-examining Legal Transplants: the Director's Fiduciary Duty in Japanese Corporate Law "; Trung tâm nghiên cứu Luật và kinh tế, Law School, Đại học Columbia, Mỹ, 2003 (trong Tiếp nhận pháp luật nước ngoài: Lý thuyết và thực tiễn trong pháp luật công ty Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp 2006); Bản đề xuất gia nhập Công ước Viên 1980

về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế - TS. Đinh Thị Mỹ Loan; TS. Nguyễn Minh Hằng, Hà Nội, tháng 04/2011.

*- Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan quyền tự do kinh doanh trong mối quan hệ đảm bảo quyền được đảm bảo sở hữu tài sản*

Luận văn thạc sĩ học Bảo đảm quyền sở hữu tài sản của nhà đầu tư trong quá trình kinh doanh, Học viện chính trị KV1 (2013), Quyền tự do kinh doanh của nhà đầu tư thông qua việc định đoạt tài sản,... Bên cạnh đó, nhiều tác giả cũng đã công bố các công trình, bài viết liên quan đến đề tài bảo vệ quyền sở hữu của nhà đầu tư như: “Phương thức bảo vệ quyền sở hữu cá nhân trong luật dân sự Việt Nam; Bảo đảm và bảo vệ quyền sở hữu tài sản cá nhân, tổ chức ở Việt Nam hiện nay” của tác giả Hà Thị Mai Hiên, Tạp chí NCLP 2013,... Mỗi công trình nghiên cứu, bài viết tiếp cận về quyền sở hữu theo các góc độ khác nhau gắn với quyền tự do kinh doanh. Trong đó, phần lớn các công trình tiếp cận theo hướng gắn liền với bảo vệ quyền sở hữu với các quy định về quyền tự do kinh doanh cũng như phân tích, đánh giá từng biện pháp bảo vệ quyền sở hữu cụ thể trong mối tương quan với quyền tự do kinh doanh.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### ***3.1. Mục đích nghiên cứu***

Mục đích của đề tài là nhằm nghiên cứu luật thực định hướng tới hoàn thiện pháp luật, tăng cường thực hiện có hiệu quả quyền tự do kinh doanh nói chung và liên hệ thực tế tại thành phố Hải Phòng.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Với mục đích nghiên cứu như trên, tác giả tập trung vào giải quyết những nhiệm vụ chính sau:

- Làm rõ những vấn đề có tính khái quát về pháp luật và thực hiện quyền tự do kinh doanh ;
- Phân tích thực trạng quy định của pháp luật hiện hành về quyền tự do kinh doanh qua đó liên hệ thực trạng thực hiện tại thành phố Hải Phòng;
- Đưa ra phương hướng và kiến nghị nhằm hoàn thiện các qui định pháp luật về quyền tự do kinh doanh . .

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu: một số quan điểm, các quy định về quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam - thực tiễn tại thành phố Hải Phòng.

### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Phạm vi nghiên cứu về không gian: những quy định pháp luật hiện hành về quyền tự do kinh doanh hiện nay ở Việt Nam, đồng thời đi sâu vào nghiên cứu quan điểm việc áp dụng thực tiễn tại thành phố Hải Phòng.

Địa bàn nghiên cứu: thành phố Hải Phòng

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### **5.1. Phương pháp luận**

Để hoàn thành các mục tiêu của đề tài, trong quá trình nghiên cứu, tìm hiểu, vận dụng luận văn đã được thực hiện trên cơ sở của phương pháp duy vật biện chứng. Luận văn được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Trong quá trình nghiên cứu và trình bày, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau bao gồm:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn để phân tích các khái niệm, phân tích quy định của pháp luật, các số liệu,...

- Phương pháp so sánh: Được sử dụng trong luận văn để so sánh một số quy định của pháp luật trong các văn bản khác nhau, tập chung chủ yếu ở chương 2 của luận văn.

- Phương pháp diễn giải quy nạp: Được sử dụng trong luận văn để diễn giải các số liệu, các nội dung trích dẫn liên quan và được sử dụng tất cả các chương của luận văn.

Ngoài ra, luận văn còn sử dụng những phương pháp nghiên cứu khác: phương pháp thống kê,...

## **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của khóa luận**

- Luận văn góp phần vào việc xây dựng luận cứ khoa học trong quá trình hoàn thiện pháp luật và đảm bảo hiệu quả thực thi quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Góp phần giúp chính quyền và các cơ quan ban ngành nghiên cứu hoàn thiện chính sách và nâng cao hiệu quả hoạt động áp dụng quy định về quyền tự do kinh doanh

## **7. Cơ cấu của khóa luận**

*Phần nội dung gồm 03 chương:*

*Chương 1: Một số vấn đề lý luận về quyền tự do kinh doanh theo pháp luật Việt Nam*

*Chương 2: Thực trạng pháp luật về quyền tự do kinh doanh và thực tiễn thực hiện*

*Chương 3: Định hướng và các giải pháp hoàn thiện quyền tự do kinh doanh*

# **CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN TỰ DO KINH DOANH THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

## **1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa quyền tự do kinh doanh**

### **1.1.1. Khái niệm quyền tự do kinh doanh**

Quyền tự do kinh doanh là một bộ phận hợp thành trong hệ thống các quyền cơ bản của công dân. Để có quan niệm đúng đắn về nó, trước hết cần tìm hiểu để nhận thức đầy đủ nội hàm các khái niệm quyền con người, quyền công dân nói chung dưới góc độ lịch sử. Mỗi bước phát triển của lịch sử xã hội loài người đều gắn liền với cuộc đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội nhằm giải phóng con người, làm cho con người ngày càng được tự do hơn trong mọi lĩnh vực của đời sống, xã hội, trong đó có lĩnh vực kinh doanh.

Trước hết, dưới góc độ chủ quan hay là nhìn dưới góc độ quyền chủ thể thì quyền tự do kinh doanh được hiểu là khả năng hành động một cách có ý thức của cá nhân, tổ chức trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Ở khía cạnh này, quyền tự do kinh doanh bao gồm một loạt các hành vi mà các chủ thể có thể xử sự như: tự do đầu tư tiền vốn để thành lập doanh nghiệp, tự do lựa chọn mô hình tổ chức kinh doanh, tự do lựa chọn đối tác để thiết lập quan hệ kinh doanh, tự do lựa chọn khách hàng, tự do lựa chọn cách thức giải quyết tranh chấp, tự do cạnh tranh. Những khả năng xử sự này là thuộc tính tự nhiên của chủ thể chứ không phải do Nhà nước ban tặng. Song, những khả năng xử sự đó muốn trở thành hiện thực thì phải được Nhà nước thể chế hóa bằng pháp luật và khi đó mới trở thành “thực quyền”. Chính vì vậy, quyền tự do kinh doanh với tư cách là quyền năng chủ thể cũng có giới hạn nhất định, các giới hạn này xuất hiện bởi những yếu tố chủ quan (mức độ ghi nhận của pháp luật, khả năng nắm bắt và thực hiện của con người) và cả những yếu tố khách quan (trình độ phát triển kinh tế, xã hội).

Mặt khác, dưới góc độ khách quan thì quyền tự do kinh doanh là hệ thống các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành nhằm tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức thực hiện được trên thực tế quyền được tự do kinh doanh của mình. Theo nghĩa này, quyền tự do kinh doanh chính là một chế định pháp luật. Như

vậy, theo quan niệm này, quyền tự do kinh doanh không chỉ bao gồm những quyền của cá nhân hoặc pháp nhân được hưởng mà bao hàm cả trách nhiệm pháp lý của cơ quan nhà nước, cá nhân hoặc pháp nhân thực hiện các quyền đó.

### **1.1.2. Đặc điểm quyền tự do kinh doanh**

Một là, quyền tự do kinh doanh là một bộ phận cấu thành và đóng vai trò quan trọng trong hệ thống các quyền tự do của con người và vì vậy, quyền tự do kinh doanh phải được xem xét như là giá trị tự thân của con người (nhân quyền) mà Nhà nước phải tôn trọng, thừa nhận và bảo vệ.

Hai là, quyền tự do kinh doanh hình thành, phát triển phụ thuộc vào nhiều yếu tố như chế độ chính trị- pháp lý, trình độ phát triển kinh tế- xã hội của mỗi quốc gia khác nhau thì mức độ ghi nhận và bảo vệ của pháp luật cũng không giống nhau.

Ba là, quyền tự do kinh doanh là quyền luôn được đặt trong khuôn khổ pháp luật và bị ràng buộc bởi những giới hạn nhất định. Giới hạn này được thể hiện trên hai phương diện, bao gồm:

- (i) Mức độ nghi nhận của pháp luật về quyền tự do của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động kinh tế và
- (ii) Những bảo đảm pháp lý (khả năng bảo vệ của pháp luật) cho việc thực thi những quyền đó'.

Tóm lại, khi xem xét khái niệm quyền tự do kinh doanh thì cần nhìn nhận nó từ nhiều góc độ (mặt chủ quan và mặt khách quan) và phải đứng trên quan niệm về quyền con người cũng như quyền công dân để thấy hết được các nội hàm cần thiết của nó. Theo đó, quyền tự do kinh doanh là quyền công dân trong hoạt động kinh tế, nó mang tính chất tự nhiên của quyền con người (tức là không do Nhà nước ban phát) nhưng để trở thành “thực quyền” thì quyền tự do kinh doanh phải được pháp luật Nhà nước ghi nhận và bảo đảm thực hiện trên thực tế. Chính vì vậy, quyền tự do kinh doanh dù ở bất cứ nơi đâu cũng phải nằm trong những khuôn khổ và trong những giới hạn nhất định của pháp luật. Các khuôn khổ, giới hạn này sẽ được “nói” dần khi nền kinh tế- xã hội phát triển lên cao hơn.



### **1.1.3. Ý nghĩa quyền tự do kinh doanh**

Xã hội loài người không ngừng đấu tranh, đòi hỏi việc mở rộng và bảo vệ các quyền con người, quyền công dân và hơn nữa là quyền tự do kinh doanh đã cho thấy tầm quan trọng cũng như mối quan hệ mật thiết của quyền tự do kinh doanh đối với sự phát triển của con người nói riêng và xã hội nói chung. Do đó, việc tìm hiểu tầm quan trọng đó thể hiện như thế nào và tại sao lại phải có quyền tự do kinh doanh sẽ là cơ sở lý luận cần thiết cho việc kiến nghị các giải pháp mở rộng và bảo vệ quyền tự do kinh doanh từ pháp luật của mỗi quốc gia. Quyền tự do kinh doanh là cơ sở tạo điều kiện cho hợp tác quốc tế. Khi luật quốc gia ghi nhận quyền tự do kinh doanh thì các cá nhân, doanh nghiệp có quốc tịch nước ngoài có cơ hội đầu tư tại nước sở tại từ đó sẽ nâng cao hơn hiệu quả trong kinh tế và cả trong chính trị.

### **1.1.4. Ý nghĩa về mặt chính trị - pháp lý**

Xét dưới góc độ chính trị thì quyền tự do kinh doanh là một trong những biểu hiện của chế độ tự do, dân chủ, bình đẳng- những khái niệm được coi là nền tảng cho một xã hội tiên bộ. Chính vì vậy, khi nhà nước thừa nhận và bảo đảm thực hiện quyền tự do kinh doanh sẽ là biểu hiện của việc tôn trọng quyền con người (nhân quyền), quyền công dân (dân quyền) trong lĩnh vực kinh tế và điều đó, cũng có nghĩa là đã thực hiện được các mục tiêu quan trọng của một xã hội tiên bộ - đảm bảo được các quyền chính trị cơ bản cho con người hay nói cách khác là đã thực hiện một thể chế chính trị dân chủ. Do đó, càng tới những xã hội cao hơn thì quyền tự do kinh doanh càng được mở rộng và bảo vệ hơn nữa. Bởi vậy, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa- một chế độ xã hội tiên bộ nhất trong lịch sử loài người thì các giá trị của con người được tôn trọng, bảo vệ và ở đó con người được phát triển toàn diện, có cuộc sống ấm no hạnh phúc và có quyền lực chính trị cao nhất - làm chủ cuộc sống, làm chủ xã hội.

### **1.1.5. Ý nghĩa về mặt kinh tế - xã hội**

Một trong những yếu tố có ảnh hưởng tới quyền tự do kinh doanh như đã phân tích trên là trình độ phát triển kinh tế- xã hội. Do đó, có thể thấy rằng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và quyền tự do kinh doanh có sự gắn kết và ảnh

hưởng qua lại lẫn nhau. Khi trình độ kinh tế- xã hội phát triển lên cao thì nhu cầu hoạt động kinh doanh và mục đích lợi nhuận của con người càng nhiều lên. Khi đó, các yêu cầu về mở rộng tự do kinh doanh của con người sẽ càng trở nên mạnh mẽ. Đồng thời, khi quyền tự do kinh doanh đã được mở rộng thì nó sẽ có tác động trở lại đối với nền kinh tế- xã hội, đó là: giải phóng sức lao động của con người, thực hiện phân công lao động xã hội, từ đó giúp cho nền kinh tế không ngừng phát triển và đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho con người cũng như đưa xã hội đến một nấc thang mới của sự phát triển.

Tóm lại, quyền tự do kinh doanh là quyền có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với mỗi con người và toàn xã hội. Đối với cá nhân con người, quyền tự do kinh doanh tạo điều kiện cho mỗi cá nhân được tự do tiến hành các hoạt động kinh tế, thương mại để tạo ra nhiều lợi nhuận nhằm đáp ứng mọi nhu cầu sống, nhu cầu phát triển của họ. Đối với xã hội, quyền tự do kinh doanh là một động lực quan trọng để giải phóng sức lao động và thực hiện phân công lao động xã hội một cách hợp lý, khách quan. Do vậy, một xã hội phát triển nhanh hay chậm, tiến bộ hay lạc hậu phụ thuộc vào việc mở rộng các quyền tự do của con người, quyền công dân và đặc biệt là quyền tự do kinh doanh.

## **1.2. Nội dung quyền tự do kinh doanh**

Cũng như các quyền khác, quyền tự do kinh doanh có nội dung rất cụ thể. Nội dung của quyền này cũng không bất biến mà luôn có sự bổ sung, theo hướng ngày càng đầy đủ, toàn diện hơn do sự hoàn thiện không ngừng của các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước ta. Tuy nhiên, xét về cơ bản thì nội dung của quyền tự do kinh doanh thường bao gồm một số yếu tố có tính bền vững như quan điểm của đa số các nhà nghiên cứu pháp lý thì quyền tự do kinh doanh là một hệ thống quyền của chủ thể kinh doanh được pháp luật bảo hộ, bao gồm 5 nội dung cơ bản:

- (1) quyền tự do thành lập doanh nghiệp;
- (2) quyền lựa chọn ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh (đối tượng kinh doanh);
- (3) quyền tự do hợp đồng;

(4) quyền tự quyết định các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh;

(5) quyền rút lui khỏi thị trường.

### **1.2.1. Quyền tự do thành lập doanh nghiệp.**

Quyền tự do thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh là nội dung cơ bản của QTDKD, là tiền đề để thực hiện các quyền khác thuộc nội dung của QTDKD. Về nguyên tắc, hoạt động kinh doanh chỉ có thể được thực hiện với tính chất nghề nghiệp, khi các chủ thể kinh doanh tiến hành. Để thực hiện QTDKD, các nhà đầu tư trước hết phải xác lập tự cách pháp lý cho chủ thể kinh doanh, và thông qua tư cách đó để tiến hành các hoạt động kinh doanh của mình. Với quyền tự do thành lập doanh nghiệp, các nhà đầu tư (chủ sở hữu tư liệu sản xuất) có khả năng quyết định lựa chọn mô hình kinh doanh và lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh thích hợp để tiến hành hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao.

Hiện nay, quyền tham gia thành lập doanh nghiệp của cá nhân, tổ chức. Khoản 1 Điều 17 Luật doanh nghiệp năm 2020 quy định: “*tổ chức, cá nhân có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam*” Theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2020 trừ những trường hợp không có quyền thành lập quản lý doanh nghiệp khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Nhận xét: Các quy định pháp luật về quyền tự do thành lập doanh nghiệp đã tạo cơ sở pháp lý cần thiết cho những đối tượng có quyền thành lập và góp vốn vào doanh nghiệp nhằm huy động tối đa mọi nguồn vốn đầu tư cho hoạt động kinh doanh, với nhiều loại ngành nghề kinh doanh, nhiều mô hình tổ chức kinh doanh để các nhà đầu tư lựa chọn; các thủ tục thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh được đơn giản hóa.

### **1.2.2. Quyền lựa chọn ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh (đối tượng kinh doanh)**

Quyền tự do kinh doanh là khả năng hành động, khả năng lựa chọn và quyết định, một cách có ý thức của cá nhân hay doanh nghiệp về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh, chẳng hạn như quyết định các vấn đề khi thành lập doanh nghiệp, lựa chọn quy mô và ngành nghề kinh doanh, lựa chọn địa bàn

kinh doanh, lựa chọn đối tác, tự do lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp. Do đó, quyền tự do kinh doanh dưới góc độ lựa chọn ngành nghề kinh doanh, cụ thể:

Thứ nhất, tự do lựa chọn ngành nghề kinh doanh mà pháp luật không cấm. Luật Doanh nghiệp Việt Nam năm 2020 quy định doanh nghiệp có quyền “*tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm*” và trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện nay không cần phải ghi ngành nghề kinh doanh. Tức là, ngoài danh mục ngành nghề cấm kinh doanh theo quy định của Nhà nước thì doanh nghiệp có thể kinh doanh bất kỳ ngành nghề nào doanh nghiệp lựa chọn mà không cần phải được sự “cho phép kinh doanh” của cơ quan nhà nước. Ngoài ra, danh mục ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh hiện nay cũng ít hơn so với giai đoạn trước kia. Theo pháp luật hiện hành, danh mục cấm đầu tư kinh doanh chỉ gồm có 8 ngành nghề (theo phụ lục danh mục đầu tư cấm kinh doanh). Trước đó, Luật Đầu tư năm 2005 đưa ra danh mục ngành nghề cấm kinh doanh với số lượng khá lớn là 12 ngành nghề. Sự thay đổi này cho thấy, chủ thể kinh doanh tự do hơn trong việc lựa chọn ngành nghề đầu tư kinh doanh.

Thứ hai, điều kiện đầu tư kinh doanh. Pháp luật có quy định về danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là ngành, nghề mà việc thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề đó phải đáp ứng điều kiện vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng. Chủ thể kinh doanh được quyền kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện kể từ khi đáp ứng đủ điều kiện và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh. Điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng theo một số hình thức sau đây: Giấy phép; giấy chứng nhận đủ điều kiện; chứng chỉ hành nghề; chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp; văn bản xác nhận; các văn bản và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

### **1.2.3. Quyền tự do hợp đồng**

Các chủ thể kinh doanh có quyền tự do lựa chọn khách hàng, tự do đàm phán, thỏa thuận, thống nhất các điều khoản của hợp đồng, tự do thỏa thuận hình thức hay nội dung của hợp đồng. Quyền tự do giao kết hợp đồng còn được thể hiện trong các quy định về phạm vi những chủ thể có quyền giao kết hợp đồng. Tùy thuộc vào tính chất của từng loại hợp đồng, phạm vi của chủ thể có quyền giao kết hợp đồng có những sự khác nhau nhất định. Theo pháp luật hiện hành, các chủ thể hợp đồng đều có quyền tự do lựa chọn đối tác để giao kết hợp đồng, sự can thiệp về mặt ý chí đối với các chủ thể khi lựa chọn đối tác hợp đồng (cưỡng bức, đe dọa,...) đều bị coi là bất hợp pháp và sẽ dẫn đến hậu quả hợp đồng không có giá trị pháp lý. Các quy định về quyền tự do hợp đồng đã thể hiện rõ nét quyền tự do giao kết hợp đồng, quyền lựa chọn đối tác, quyền tự do thỏa thuận về nội dung của hợp đồng cũng như quyền tự do thỏa thuận để thay đổi, đình chỉ hay hủy bỏ hợp đồng trong quá trình thực hiện hợp đồng. Tự do giao kết hợp đồng nhưng không được trái pháp luật, đạo đức xã hội.

Theo nguyên tắc tự do giao kết hợp đồng, các bên chủ thể giao kết hợp đồng được quyết định mọi vấn đề liên quan đến hợp đồng, không có bất kỳ cá nhân, tổ chức nào kể cả Nhà nước được can thiệp, làm thay đổi ý chí của các bên chủ thể. Tuy nhiên, sự tự do ý chí của các bên chủ thể khi giao kết hợp đồng không được trái pháp luật, đạo đức xã hội. Tức là sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng không được trái với điều cấm của pháp luật và những chuẩn mực đã được xã hội thừa nhận rộng rãi.

### **1.2.4. Quyền tự quyết định các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh**

- Nhà nước ghi nhận và bảo đảm quyền tự do định đoạt trong việc giải quyết tranh chấp phát sinh giữa các doanh nghiệp. Dưới tác động của quy luật cạnh tranh và sự tự do hóa các hoạt động kinh tế, mâu thuẫn phát sinh trong hoạt động kinh tế nảy sinh ngày càng nhiều. Nội dung cơ bản của việc bảo đảm quyền tự do định đoạt trong giải quyết tranh chấp được quy định trong pháp luật nước ta gồm các vấn đề chủ yếu sau: pháp luật cho phép chủ thể tham gia quan

hệ tranh chấp được tự do thỏa thuận phương pháp giải quyết tranh chấp có thể bằng thương lượng, hòa giải, thông qua trọng tài thương mại hoặc giải quyết tranh chấp bằng con đường Tòa án.

- Nhà nước ghi nhận và bảo đảm quyền tự do cạnh tranh trong hoạt động kinh tế. Nền kinh tế Việt Nam với mục tiêu phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, do đó chúng ta buộc phải tuân theo quy luật của nền kinh tế thị trường mà trong đó quy luật cạnh tranh là một thành tố cơ bản không thể tách rời. Pháp luật về bảo đảm quyền tự do cạnh tranh của nước ta hiện nay bao gồm một số nội dung sau: một là, tạo môi trường đảm bảo cho cạnh tranh diễn ra công bằng; hai là, xây dựng các quy chế pháp luật để kiểm soát chống độc quyền. Bởi vậy, nội dung bảo đảm quyền tự do cạnh tranh chính là đảm bảo các điều kiện để cạnh tranh diễn ra lành mạnh và kiểm soát chống việc độc quyền trong kinh doanh.

- Nhà nước ghi nhận và bảo hộ quyền tư hữu về tài sản: Quyền tư hữu về tài sản là một trong những quyền cơ bản, quan trọng nhất của công dân nên pháp luật của bất kỳ quốc gia nào cũng có những quy định để bảo đảm quyền tư hữu. Theo quy định của pháp luật nước ta hiện nay thì việc bảo đảm quyền tư hữu được thực hiện ở hai mức độ. Một mặt, nhà nước quy định phạm vi những quyền năng của chủ sở hữu đối với tài sản, tạo cơ sở pháp lý vững chắc để chủ sở hữu tài sản thực hiện các quyền sở hữu của mình một cách an toàn, đầy đủ nhất. Mặt khác, nhà nước quy định những biện pháp pháp lý cụ thể để dựa vào đó, chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp bảo đảm quyền sở hữu của mình.

Quyền tư hữu được nhà nước bảo đảm bằng việc ghi nhận trong Hiến pháp và trở thành quyền hiến định. Bên cạnh đó, quyền năng này còn được bảo đảm bằng các biện pháp dân sự, hình sự, hành chính... Như vậy, nội dung quan trọng nhất của việc bảo đảm quyền tư hữu về tài sản là pháp luật quy định những cơ sở pháp lý để chủ sở hữu thực hiện quyền sở hữu, đồng thời cũng ghi nhận những biện pháp để dựa vào đó chủ sở hữu có thể bảo đảm tài sản của mình.

### **1.2.5. Quyền tổ chức lại, rút lui khỏi thị trường**

Luật Doanh nghiệp 2020 quy định rõ hơn và hợp lý hơn về trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp. Trong bối cảnh chung của nền kinh tế thế giới, nền kinh tế nước ta gặp rất nhiều khó khăn. Điều này tác động lớn đến hoạt động của các doanh nghiệp. Song song với việc đơn giản hóa thủ tục đăng ký gia nhập thị trường của doanh nghiệp, việc đơn giản hóa thủ tục đăng ký rút khỏi thị trường của doanh nghiệp cũng cần phải quan tâm đúng mức. Điều này sẽ góp phần hạn chế tình trạng bức xúc của xã hội và cộng đồng doanh nghiệp trong thời gian vừa qua về các vấn đề như: doanh nghiệp “chết” mà không được chôn, tình trạng doanh nghiệp chật vật xin được chết...; đồng thời, sẽ góp phần làm “sạch” dữ liệu về doanh nghiệp. Nhằm khắc phục những vướng mắc nêu trên, quy trình giải thể doanh nghiệp quy định đã được thiết kế theo hướng “tự động”. Theo đó, thời hạn tối đa để cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện thủ tục xóa tên doanh nghiệp là 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể. Đồng thời, doanh nghiệp sẽ được tự động giải thể sau 180 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh nhận được quyết định giải thể của doanh nghiệp Khoản 8 Điều 208 Luật Doanh Nghiệp 2020). Điều này đòi hỏi các cơ quan, đặc biệt là cơ quan thuế sẽ phải khẩn trương thực hiện thủ tục quyết toán thuế cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, Luật Doanh nghiệp 2020 cũng bổ sung quy định về giải thể doanh nghiệp trong trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án.

## **1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quy định pháp luật và thực hiện quyền tự do kinh doanh.**

### **1.3.1. Chế độ chính trị**

Nền kinh tế thị trường là nền kinh tế có tính hai mặt, nghĩa là ngoài những ưu điểm nó mang tới như: thúc đẩy phát triển kinh tế hàng hóa và phân công lao động xã hội thì nó cũng tồn tại rất nhiều khuyết tật. Một trong những khuyết tật đó là nó đẩy cạnh tranh lên đến đỉnh điểm, khiến con người vì tối đa hóa lợi nhuận, vì lợi ích trước mắt mà làm tổn hại đến lợi ích của người khác, lợi ích của cộng đồng và thực hiện nhiều hành vi phi pháp.

Chính vì vậy, trong nền kinh tế thị trường, việc bảo vệ quyền tự do kinh doanh của Nhà nước còn nhằm hạn chế những khuyết tật của cơ chế này, nghĩa là Nhà nước phải đặt ra những điều kiện, những giới hạn để ràng buộc hành vi của con người vào khuôn khổ pháp lý (có sự quản lý của Nhà nước).

Tuy nhiên, các điều kiện, giới hạn này phải được xây dựng trên những cơ sở khách quan và phù hợp với mục đích quản lý nhất định, nếu không, vô hình chung sẽ trở thành rào cản đối với quyền tự do kinh doanh và cản trở sự phát triển cần thiết của nền kinh tế thị trường. Như vậy, phát triển nền kinh tế thị trường là một đòi hỏi tất yếu đối với việc mở rộng quyền tự do kinh doanh.

### **1.3.2. Mức độ nghi nhận và sự minh bạch của pháp luật**

Có thể nói, nhà nước là một phát minh vĩ đại của thế giới loài người. Bởi lẽ, trong một xã hội với vô số cá thể mà “người nào muốn làm gì thì làm”, “ai cũng tự do hành động theo ý mình”, “mạnh ai người nấy sống” thì không bao giờ có thể cân bằng được lợi ích của mỗi cá nhân và có lẽ, xã hội đó dù là một nhóm hay là cả một cộng đồng lớn thì cũng nhanh chóng bị diệt vong. Do đó, nhà nước- một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị đã ra đời và thực hiện một nhiệm vụ vô cùng to lớn là quản lý xã hội và làm hài hòa các lợi ích. Vì vậy, để làm được điều đó, nhà nước sử dụng hệ thống các công cụ như: nhà tù, tòa án, quân đội, pháp luật; trong đó quan trọng nhất là pháp luật. Bằng cách ban hành pháp luật, nhà nước ràng buộc các chủ thể vào những quy củ, luật lệ nhất định.

Đối với quyền tự do kinh doanh cũng vậy, mặc dù nó là quyền tự nhiên của con người, không phải do nhà nước ban phát, tuy nhiên để hài hòa được các lợi ích trong xã hội và đảm bảo tính khả thi thì nhà nước phải đặt nó trong những khuôn khổ, những giới hạn nhất định của pháp luật và yêu cầu mọi chủ thể trong xã hội phải tôn trọng, thực hiện. Do đó, khi các quyền tự do kinh doanh chưa được ghi nhận trong quy định của pháp luật thì các quyền này cũng chưa ra đời và do đó, các chủ thể cũng không thể thực hiện được các quyền đó trên thực tế. Chính vì vậy, việc pháp luật ghi nhận quyền tự do kinh doanh sẽ là điều kiện cần cho sự tồn tại của nó trên thực tế; Còn điều kiện đủ chính là, pháp



luật phải thể hiện tính cụ thể bằng cách đưa ra các điều kiện bảo đảm thực hiện, trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ của cơ quan quản lý nhà nước, của các tổ chức, cá nhân khác. Nội dung này sẽ phần nào thể hiện tính minh bạch của pháp luật và giới hạn đối với quyền tự do kinh doanh.

### **1.3.3. Ý thức pháp luật và đạo đức kinh doanh**

Ý thức pháp luật kinh doanh có sự chi phối, ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển của quyền tự do kinh doanh khi nó ảnh hưởng tới nhận thức của con người trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, tức là ảnh hưởng tới mặt chủ quan của quyền tự do kinh doanh. Trong kinh doanh, những sắc thái ý thức pháp luật có mặt trong toàn bộ quá trình tổ chức và hoạt động của hoạt động kinh doanh.

Bên cạnh đó đạo đức kinh doanh cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến quyền tự do kinh doanh. Đạo đức kinh doanh là một tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực có tác dụng điều chỉnh, đánh giá, hướng dẫn và kiểm soát hành vi của các chủ thể kinh doanh. Đạo đức kinh doanh chính là đạo đức được vận dụng vào trong hoạt động kinh doanh đóng góp không nhỏ vào việc tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, công bằng không chỉ giữa các doanh nghiệp trong nước mà cả doanh nghiệp nước ngoài.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG I**

Trong Chương I, đã đề cập những vấn đề lý luận về bản chất, những đặc trưng và các yếu tố chi phối về quyền tự do kinh doanh. Qua việc nghiên cứu những vấn đề lý luận quyền tự do kinh doanh, ta có thể rút ra được việc thiết lập quyền tự do kinh doanh cần phải đi đôi với việc kiểm soát can thiệp của Nhà nước cần đặt hai vấn đề trên để cân nhắc trong việc đưa ra các quyết định quản lý của mình nhằm tạo ra những giá trị tốt nhất cho nền kinh tế đó.

Những nội dung được đề cập trong chương I sẽ là cơ sở cho tác giả nghiên cứu, phân tích thực trạng cũng như đề ra những giải pháp để tăng cường quyền tự do kinh doanh theo pháp luật Việt Nam trong những chương sau.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TỰ DO KINH DOANH VÀ THỰC TIỄN**

### **2.1. Thực trạng pháp luật về quyền tự do kinh doanh**

#### **2.1.1. Thực trạng quy định của pháp luật về quyền tự do thành lập doanh nghiệp, sở hữu tài sản**

Quyền tư hữu được xác định từ Hiến pháp năm 1946 đã được Hiến pháp năm 2013 tái lập (“quyền sở hữu tư nhân” là tên gọi khác của “quyền tư hữu”). Ngoài việc pháp luật quy định công dân có quyền được tự do chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản thuộc sở hữu của mình, bên cạnh đó pháp luật quy định rõ tài sản hợp pháp của công dân được các chủ thể khác tôn trọng, thừa nhận. Theo quy định của khoản 2, Điều 5, Luật doanh nghiệp năm 2014 thì Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp. Luật Đầu tư hiện hành cũng quy định Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của nhà đầu tư; thừa nhận sự tồn tại và phát triển lâu dài của các hoạt động đầu tư.

Như vậy, theo quy định nêu trên thì tài sản thuộc quyền sở hữu của tư nhân sẽ được nhà nước thừa nhận, toàn bộ tài sản của tư nhân sẽ được nhà nước tôn trọng và bảo vệ. Hơn nữa, đối với những nhà đầu tư nước ngoài khi tiến hành thực hiện các dự án, các hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam cũng được pháp luật bảo vệ tối đa quyền sở hữu, Luật Đầu tư quy định nhà nước đối xử bình đẳng trước pháp luật đối với các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế, giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư.

- Liên quan đến thủ tục gia nhập thị trường. Hệ thống pháp luật về đầu tư kinh doanh trong thời gian qua còn tồn tại khá nhiều điểm bất cập, trong đó các quy định của pháp luật về thủ tục gia nhập thị trường của nhà đầu tư đang được xem là một trong những khâu yếu nhất, tốn kém nhiều thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.

- Về đăng ký doanh nghiệp. Nhóm các cải cách về đăng ký doanh nghiệp được xem là khâu đột phá có tính chất cơ bản nhất của Luật Doanh nghiệp 2020, Cải cách nhằm chuyển hướng tiếp cận từ “*tiền kiểm*” sang “*hậu kiểm*” trong thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Việc chuyển hướng tiếp cận này đã được cụ thể hóa một cách triệt để trong các quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, góp phần tạo dựng khung pháp lý minh bạch hơn, phù hợp hơn với yêu cầu của môi trường kinh doanh. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và kiểm tra việc chấp hành điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Tuy nhiên, về tính hiệu quả trong công tác hậu kiểm, đặc biệt là công tác hậu kiểm hoạt động của doanh nghiệp hiện nay còn nhiều qui định chồng chéo, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền chưa cao, đồng thời chưa có cơ chế xác định rõ ràng trách nhiệm của các chủ thể tham gia quá trình giám sát hoạt động của doanh nghiệp,

Luật Doanh nghiệp 2020 đã bãi bỏ yêu cầu về điều kiện kinh doanh tại thời điểm thành lập doanh nghiệp. Bên cạnh đó đã quy định tách bạch giữa yêu cầu thành lập doanh nghiệp và yêu cầu về điều kiện kinh doanh đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Quy định này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thành lập, hoạt động kinh doanh, minh bạch hóa môi trường kinh doanh. Tuy nhiên, khi thủ tục thành lập doanh nghiệp trở nên quá dễ dàng, đặc biệt là trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện, điều này có thể gây rủi ro cho các đối tác giao dịch, cũng như cho bên thứ ba trong quan hệ với doanh nghiệp.

- Về đăng ký đầu tư. Cùng với các cải cách về đăng ký doanh nghiệp, các cải cách về đăng ký đầu tư được đánh giá là những cải cách có tính chất tích cực và thông thoáng, góp phần quan trọng vào công cuộc thu hút vốn đầu tư, đặc biệt là các dòng vốn đầu tư nước ngoài.

Luật Đầu tư 2020 bãi bỏ việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án của nhà đầu tư trong nước, và các dự án của nhà đầu tư trong nước sẽ không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Hội thảo

thống nhất cho rằng đây là một trong những cải cách rất quan trọng và phù hợp với nhu cầu thực tiễn của hoạt động đầu tư trong nước. Việc bãi bỏ hoàn toàn việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này sẽ góp phần to lớn vào việc bảo đảm và nâng cao hơn nữa việc thực hiện quyền tự do kinh doanh, làm cho hoạt động đầu tư kinh doanh trở nên linh động, thích ứng với sự thay đổi thường xuyên của nền kinh tế, qua đó các nhà đầu tư có thể dễ dàng nắm bắt và tận dụng các cơ hội kinh doanh.

Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài; hoặc việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật đầu tư năm 2020 nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh tế thì nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế. Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nhà đầu tư thực hiện thủ tục thay đổi thành viên/cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Về quy trình thành lập doanh nghiệp của nhà đầu tư nước ngoài, Luật Đầu tư 2020 (cùng với Luật Doanh nghiệp 2014) đã tách bạch thủ tục đăng ký đầu tư và thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Theo đó, sau khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nước ngoài được phép thành lập doanh nghiệp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh theo qui định chung của Luật doanh nghiệp. Cải cách này đã khắc phục được các hạn chế và bất cập của quy định “Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” như trong thời gian trước đây theo quy định của Luật Đầu tư 2005.

Nhóm các cải cách về quyền thành lập, quản lý và góp vốn vào doanh nghiệp. Một trong những yếu tố cấu thành quyền tự do kinh doanh đó là quyền tự do thành lập, quản lý và góp vốn vào doanh nghiệp, quyền này được quy định tại Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020. Theo đó, Luật Doanh nghiệp 2020 đã cấm

người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự thành lập và quản lý doanh nghiệp. Liên quan đến vấn đề này, nếu nhìn nhận quyền tự do kinh doanh nói chung, quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp nói riêng là một yếu tố của quyền con người thì việc cấm người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự thực hiện quyền này là không hợp lý. Người đang trong quá trình bị truy cứu trách nhiệm hình sự vẫn được xem là người vô tội, do vậy các quyền con người cơ bản của họ không thể bị tước đoạt. Liên quan đến quyền góp vốn vào doanh nghiệp, góp vốn thành lập doanh nghiệp (không tham gia quản lý doanh nghiệp) và góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh xét về bản chất là giống nhau. Trong cả hai trường hợp, chủ thể không tham gia quản lý doanh nghiệp mà chỉ được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp, cổ phần được mua.

Bên cạnh đó, Luật Doanh nghiệp quy định thêm những điểm mới về con dấu. Thứ nhất, dấu dưới hình thức chữ ký số là dấu của doanh nghiệp Khoản 1 Điều 43 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định dấu của doanh nghiệp bao gồm: Dấu được làm tại cơ sở khắc dấu; hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Trong đó, theo quy định tại Nghị định 130/2018/NĐ-CP thì chữ ký số là một dạng chữ ký điện tử được tạo ra bằng sự biến đổi một thông điệp dữ liệu sử dụng hệ thống mật mã không đối xứng, theo đó, người có được thông điệp dữ liệu ban đầu và khóa công khai của người ký có thể xác định được chính xác: Việc biến đổi nêu trên được tạo ra bằng đúng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai trong cùng một cặp khóa; Sự toàn vẹn nội dung của thông điệp dữ liệu kể từ khi thực hiện việc biến đổi nêu trên. Thứ hai, doanh nghiệp không phải thông báo mẫu dấu trước khi sử dụng

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 44 Luật Doanh nghiệp 2014 thì trước khi sử dụng, doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp 2020 đã bỏ quy định này, đồng nghĩa từ ngày 01/01/2021, doanh nghiệp sẽ không cần thực hiện thủ tục thông báo mẫu con dấu. Thứ ba, không quy định bắt buộc một số nội dung phải có trên con dấu của doanh nghiệp.

- Cải cách quy định về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã kế thừa và bổ sung thêm những quy định về người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH và công ty cổ phần. Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Nếu công ty có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật thì Điều lệ công ty quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật. Trường hợp việc phân chia quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật chưa được quy định rõ trong Điều lệ công ty thì mỗi người đại diện theo pháp luật của công ty đều là đại diện đủ thẩm quyền của doanh nghiệp trước bên thứ ba; tất cả người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm liên đới đối với thiệt hại gây ra cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan (theo Khoản 2 Điều 12)

- Nhóm quy định về quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao quyền tự chủ của doanh nghiệp

+ Cải cách về mô hình quản trị công ty. Đối với công ty TNHH một thành viên do tổ chức làm chủ, thì công ty được chủ động lựa chọn tổ chức quản lý theo một trong hai mô hình: có Hội đồng thành viên, hoặc có Chủ tịch công ty.

Tuy nhiên, Luật doanh nghiệp 2020 quy định giới hạn thành viên Hội đồng thành viên do chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm gồm từ 03 đến 07 thành viên. Thành viên Hội đồng thành viên do chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Hội đồng thành viên nhân danh chủ sở hữu công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật

và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Điều lệ công ty, Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Việc giới hạn số người đại diện này là không hợp lý, làm hạn chế quyền tự do kinh doanh của chủ sở hữu công ty. Về bản chất, đây là quan hệ ủy quyền nên việc cử bao nhiêu người là quyền của người ủy quyền, tức chủ sở hữu.

+ Quy định về mở rộng quyền quyết định cho Điều lệ doanh nghiệp. Về chức năng, thẩm quyền của các cơ quan trong bộ máy quản lý công ty, về cơ bản được Luật Doanh nghiệp 2020 quy định theo hướng mở. Theo đó, bên cạnh những thẩm quyền đã được Luật định, công ty có thể quy định thêm những quyền và nghĩa vụ khác phù hợp với nhu cầu quản lý của mình. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, mặc dù Luật Doanh nghiệp 2020 giành quyền tự chủ cho công ty rất lớn trong việc tổ chức bộ máy quản lý cũng như quy định các vấn đề về chức năng, quyền và nhiệm vụ của các cơ quan quản lý trong công ty nhưng không phải tất cả các nội dung liên quan đến tổ chức, hoạt động của những cơ quan này. Có một số vấn đề vì lợi ích của chủ thể khác nhau, Luật không dành cho công ty quyền được tự quyết mà đặt quyền của doanh nghiệp trong một khuôn khổ nhất định như vấn đề về thủ tục thông qua giao dịch có khả năng tư lợi, điều kiện để được giữ các chức danh quản lý trong công ty...

### **2.1.2. Thực trạng quy định của pháp luật về quyền lựa chọn ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh (đối tượng kinh doanh).**

- Liên quan về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh theo Luật Đầu tư 2020. Pháp luật Việt Nam như một tiến trình từng bước hoàn thiện các quy định pháp luật nhằm bảo đảm quyền con người. Kết quả nghiên cứu này đã lý giải rằng, việc quy định về điều kiện kinh doanh nhằm giúp xác định ranh giới của quyền tự do kinh doanh, giúp cho việc thực thi quyền của các chủ thể kinh doanh được thực hiện trong một giới hạn không làm ảnh hưởng đến quyền tự do kinh doanh của các chủ thể khác, từ đó giúp tạo lập và duy trì môi trường kinh doanh lành mạnh.



Bên cạnh đó, Luật đầu tư 2020 được đánh giá đã thực hiện một công việc chưa có tiền lệ là đã tập hợp và minh thị rõ ràng danh mục các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Ngoài ra, việc liệt kê được các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện trong một văn bản pháp luật mang tính pháp điển hóa cao, một mặt tạo thuận lợi cho việc đảm bảo quyền tự do kinh doanh của công dân, mặt khác giúp cho việc kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật về điều kiện kinh doanh cũng thuận lợi hơn, giúp bảo vệ tốt hơn các quyền cơ bản của con người như quyền được sống trong một môi trường lành mạnh, quyền được bảo vệ về an ninh, sức khỏe, quyền được thông tin, quyền được đối xử công bằng. Tuy nhiên, Luật Đầu tư 2020 chỉ đưa ra danh mục các ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện một cách chung chung, do đó tương ứng với mỗi ngành nghề mang tính chung đó, có thể bao gồm nhiều nhóm ngành, nghề nhỏ có liên quan, và do vậy trong quá trình áp dụng sẽ không chỉ dừng lại ở con số 267 ngành, nghề như qui định trong Luật Đầu tư 2020,

### **2.1.3. Thực trạng quy định của pháp luật về quyền tự do hợp đồng**

Quyền TDKD là một hệ thống quyền của CTKD được pháp luật quy định bao gồm:

(i) Quyền tự do lựa chọn thành lập loại hình kinh doanh.

(ii) Ngành nghề kinh doanh.

(iii) Địa điểm kinh doanh.

(iv) Quyền được đảm bảo sở hữu tài sản.

(v) Quyền tự do hợp đồng.

(vi) Quyền tự do cạnh tranh theo quy định của pháp luật.

(vii) Quyền tự định đoạt cơ quan tài phán tranh chấp.

(viii) Quyền tự do lựa chọn luật giải quyết tranh chấp... Chúng tôi tập trung nghiên cứu phân tích về quyền tự do hợp đồng thông qua các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quyền tự do hợp đồng là quyền của các CTKD được thể hiện ở các khía cạnh sau đây:

(i) Quyền được tự do bình đẳng, tự nguyện giao kết hợp đồng (GKHD).

- (ii) Quyền được tự do lựa chọn đối tác GKHD.
- (iii) Quyền được tự do thỏa thuận nội dung GKHD.
- (iv) Quyền được tự do thỏa thuận thay đổi nội dung hợp đồng trong quá trình thực hiện.
- (v) Quyền được tự do thỏa thuận các điều kiện đảm bảo để thực hiện hợp đồng.
- (vi) Quyền được tự do thỏa thuận cơ quan tài phán và luật giải quyết tranh chấp hợp đồng.

Hình thức pháp lý chủ yếu của các quan hệ kinh doanh chính là hợp đồng. Bản chất của hợp đồng là sự thỏa thuận và thống nhất ý chí giữa các chủ thể nhằm xác lập, thay đổi hay chấm dứt các quyền và nghĩa vụ trên cơ sở tự do, tự nguyện, bình đẳng. Tự do ý chí luôn được xác định là nguyên tắc cốt lõi của hợp đồng. Quyền tự do hợp đồng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với các nhà kinh doanh. Thông qua việc thiết lập và thực hiện các hợp đồng, các CTKD có thể tiến hành các hoạt động kinh doanh một cách chủ động, sáng tạo và đạt hiệu quả cao.

Về mặt lý luận, quyền tự do hợp đồng được coi là một bộ phận cấu thành quan trọng, là biểu hiện sinh động nhất của quyền TDKD, Việc ghi nhận và bảo đảm quyền tự do hợp đồng bằng pháp luật có tác động lớn tới quyền TDKD của các CTKD,

Từ khi hoạt động quản lý kinh tế của Nhà nước được xác định chuyển sang cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, để đảm bảo thực hiện các cam kết khi Việt Nam tham gia các tổ chức quốc tế, thực hiện các điều ước quốc tế, thì Nhà nước đã sửa đổi pháp luật về hợp đồng cho phù hợp với các luật chơi chung, nên pháp luật về hợp đồng kinh doanh của Việt Nam đã có những thay đổi căn bản cả về đối tượng và phương pháp điều chỉnh.

Trên cơ sở đó, quyền tự do hợp đồng, mà quan trọng nhất là tự do hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, từng bước được ghi nhận và bảo đảm trên thực tế. Pháp luật thừa nhận quyền tự do giao kết hợp đồng. Xuất phát từ bản chất của hợp đồng là sự thỏa thuận, nhìn từ góc độ cuộc sống đời thường thì hợp

đồng chính là các bên tự quy định các quyền và nghĩa vụ cho nhau bởi vậy các bên có thể tự do đưa ra ý chí của mình trong việc giao kết hợp đồng. Pháp luật hoặc bất cứ cá nhân nào cũng không thể dùng ý chí của mình để ép buộc chủ thể khác giao kết hợp đồng mà nó phải xuất phát từ sự mong muốn thực sự của các bên nhằm tạo lập ra các giá trị pháp lý. Tự do thỏa thuận là một trong những nguyên tắc của pháp luật dân sự. Nguyên tắc này đã ghi nhận một cách tổng quát, bao trùm toàn bộ quan hệ pháp luật dân sự đó là sự thỏa thuận, tự do cam kết. Pháp luật cho phép các bên có quyền tự do xác lập quyền và nghĩa vụ với nhau, sau khi xác lập một cách hợp pháp chúng có hiệu lực bắt buộc các bên tôn trọng và nghiêm túc thực hiện.

Về cơ bản nguyên tắc này được hiểu như sau: hợp đồng được các chủ thể tham gia tự do giao kết trên tinh thần tự nguyện, bình đẳng, thiện chí... nhưng không được trái pháp luật. Các điều cấm của pháp luật thường được quy định rõ trong nhiều văn bản khác nhau. Hiểu một cách đơn giản là chủ thể tham gia hợp đồng được giao kết hợp đồng trong phạm vi pháp không cấm. Chẳng hạn như pháp luật cấm buôn bán vũ khí, cấm buôn bán nội tạng người... thì các chủ thể không có quyền thực hiện các giao kết liên quan đến những điều mà pháp luật không cho phép. Mặt khác, đạo đức xã hội là những quy chuẩn chung được thừa nhận rộng rãi trong cộng đồng, và được bảo vệ bằng các giá trị văn hóa tồn tại lâu đời. Việc quy định hợp đồng không được vi phạm điều cấm, đạo đức xã hội nhằm bảo vệ lợi ích chung của toàn xã hội, không thể vì lợi ích cá nhân mà xâm phạm đến trật tự công.

Quyền tự do giao kết hợp đồng còn được thể hiện trong việc pháp luật mở rộng các chủ thể có quyền giao kết hợp đồng. Mọi chủ thể khi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự đều có quyền giao kết hợp đồng. Chủ thể tham gia giao kết hợp đồng có thể là cá nhân, tổ hợp tác, hộ gia đình pháp nhân... Trong một số trường hợp cá nhân chưa đầy đủ năng lực hành vi dân sự vẫn được thừa nhận là chủ thể trong giao dịch dân sự

- Tự do thỏa thuận về hình thức. Hình thức của hợp đồng dân sự được hiểu là cách thức thể hiện ý chí ra bên ngoài của các chủ thể tham gia giao kết

hợp đồng dưới một dạng vật chất nhất định. Việc tự do thỏa thuận về hình thức của hợp đồng được quy định trong pháp luật dân sự thể hiện khá rõ nét yếu tố chủ thể tham gia hợp đồng có thể lựa chọn các hình thức khác nhau để xác định quyền và nghĩa vụ.

- Bảo vệ quyền tự do thỏa thuận về nội dung hợp đồng. Nội dung của hợp đồng là toàn bộ các điều khoản mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Việc trao cho các chủ thể quyền thỏa thuận của hợp đồng là lẽ đương nhiên. Các chủ thể có quyền tự thỏa thuận với nhau về giá cả, phương thức thanh toán, thời gian, địa điểm thanh toán, thời điểm giao hàng, thời điểm phát sinh quyền nghĩa vụ, thời điểm giao kết, pháp luật còn thừa nhận hợp đồng có hiệu lực trong tương lai... Tự do thỏa thuận về nội dung trong hợp đồng chính là một phần biểu hiện của sự tự do ý chí, khi ý chí của các bên được biểu đạt thông qua các quy định trong hợp đồng tức là các bên tham gia tự soạn luật cho nhau và buộc phải nghiêm túc thực hiện những quy định do mình đề ra. Bởi vậy, việc tự do thỏa thuận nội dung của hợp đồng góp phần không nhỏ trong việc phát huy quyền tự do kinh doanh.

- Tự do lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có phát sinh tranh chấp, các chủ thể có quyền được lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp. Ưu tiên các bên tự giải quyết trên cơ sở tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau, hoặc có thể nhờ đến trọng tài thương mại (kể cả trọng tài tại Việt Nam hoặc trọng tài quốc tế). Hoặc có thể nhờ đến cơ quan tài phán là Tòa án. Như vậy, việc hạn chế các tranh chấp hay tìm đến một phương thức giải quyết tranh chấp khác sẽ do các bên tự lựa chọn, điều đó thể hiện pháp luật về hợp đồng hướng đến việc đề cao vai trò của tự do, đề cao yếu tố thỏa thuận trong giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng.

- Tự do thỏa thuận để thay đổi, đình chỉ hay hủy bỏ hợp đồng trong quá trình thực hiện hợp đồng. Quyền tự do hợp đồng còn thể hiện ở chỗ các chủ thể có quyền thỏa thuận để thay đổi, đình chỉ hay hủy bỏ hợp đồng đã giao kết. Có thể thấy một điều hợp lý đó là các chủ thể đã có quyền tạo ra hợp đồng thì

đương nhiên họ cũng có quyền định đoạt số phận pháp lý của hợp đồng trong quá trình thực hiện.

Nói cách khác, quyền tự do thoả thuận định đoạt số phận pháp lý của hợp đồng là nội dung câu thành không thể thiếu của quyền tự do hợp đồng và được pháp luật thừa nhận, Bộ luật Dân sự quy định về việc sửa đổi, chấm dứt, đơn phương, hủy bỏ hợp đồng dân sự. Như vậy, theo quy định của pháp luật hiện hành thì các chủ thể tham gia giao kết hợp đồng sẽ được tự do thể hiện ý chí của mình trong việc tiếp tục thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng.

#### **2.1.4 Thực trạng quy định của pháp luật về quyền tự quyết định các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh**

- Thực trạng quy định của pháp luật về quyền lựa chọn phương thức trong việc giải quyết các tranh chấp kinh doanh thương mại.

Dựa trên cơ sở tự do và tự chủ trong kinh doanh, bình đẳng trước pháp luật, việc giải quyết tranh chấp phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

+ Nguyên tắc tự định đoạt: Theo nguyên tắc này thể hiện trước hết là ở chỗ các bên có quyền thoả thuận phương thức giải quyết tranh chấp có lợi nhất có thể là tự thương lượng, hoặc thông qua trung gian hoà giải, hoặc thông qua một hình thức tài phán. Sau đó các bên có thể không nhất thiết phải tham gia tố tụng mà có thể uỷ quyền cho người khác tham gia tố tụng, có quyền nhờ luật sư hoặc người khác bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Cuối cùng khi đã đưa tranh chấp ra trọng tài hoặc toà án các bên có quyền hoà giải hoặc thay đổi nội dung đơn kiện hoặc rút đơn kiện.

+ Nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật: Pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên không phân biệt thành phần kinh tế, số vốn, tài sản.

- Nguyên tắc hoà giải: Trước hết các bên phải tiến hành tự hoà giải, chỉ khi nào không hoà giải được mới nhờ đến các cơ quan tài phán giải quyết. Khi thụ lý vụ án các cơ quan tài phán cũng tiến hành các biện pháp hoà giải và công nhận hoà giải trước khi xét xử.

+ Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nhanh chóng và kịp thời, đảm bảo hạn chế gián đoạn quá trình sản xuất kinh doanh. Hoạt động kinh doanh được thực

hiện theo chu trình sản xuất khép kín, vì vậy ở bất kỳ một công đoạn nào xảy ra trục trặc đều dẫn đến ảnh hưởng toàn bộ quá trình kinh doanh. Giải quyết tranh chấp không được tiến hành một cách nhanh chóng kịp thời sẽ ảnh hưởng tới sự tồn tại và phát triển vững mạnh của chủ thể kinh doanh. Nhanh chóng, kịp thời nhưng phải dứt điểm, đạt hiệu quả thi hành cao nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của các bên.

+ Các biện pháp giải quyết tranh chấp các bên có thể tự do lựa chọn theo quy định của pháp luật:

- + Giải quyết tranh chấp bằng thương lượng.
- + Giải quyết tranh chấp bằng trung gian hoà giải.
- + Giải quyết tranh chấp theo thủ tục toà án.
- + Giải quyết tranh chấp thông qua thủ tục trọng tài.

Thực trạng quy định của pháp luật về quyền tự do cạnh tranh lành mạnh

Thứ nhất, việc thừa nhận và đảm bảo QTDKD là cơ sở hình thành môi trường cạnh tranh cho từng lĩnh vực kinh tế cụ thể hoặc cho toàn bộ nền kinh tế. Bất kỳ yếu tố nào làm hạn chế QTDKD đều có thể là nguyên nhân tạo nên những khiếm khuyết về cạnh tranh cho thị trường. Một khi pháp luật hạn chế quyền kinh doanh trong một số lĩnh vực kinh tế nhất định và chấp nhận những khiếm khuyết về cạnh tranh vì những lý do như an sinh xã hội, an ninh kinh tế hoặc ổn định kinh tế - chính trị của quốc gia... thì yêu cầu được đặt ra là pháp luật và cơ chế quản lý kinh tế phải thiết kế những giải pháp pháp lý hoặc giải pháp quản lý, giải pháp kỹ thuật... để loại trừ hoặc hạn chế rủi ro mà xã hội hoặc thị trường phải gánh chịu do môi trường cạnh tranh không được bảo đảm.

Vì vậy, những quy định liên quan đến QTDKD hoặc ảnh hưởng đến QTDKD trong Hiến pháp cần được đặt trong sự tính toán và dự báo khôn ngoan về ảnh hưởng của chúng đến môi trường cạnh tranh của nền kinh tế hoặc của từng lĩnh vực kinh tế có liên quan.

QTDKD đương nhiên bao hàm quyền được cạnh tranh bình đẳng và lành mạnh giữa các thành phần kinh tế giữa các chủ thể tham gia thị trường. Kinh tế thị trường chỉ phát huy hiệu quả khi môi trường cạnh tranh được tạo lập dựa trên

QTDKD và sự bình đẳng. Ghi nhận sự tồn tại của các TPKT và khẳng định những vị thế, giá trị của từng TPKT trong Hiến pháp cần được cân nhắc dựa trên yêu cầu cơ bản trên. Một khi việc ghi nhận vai trò, giá trị và vị thế của từng TPKT là nguyên nhân tạo ra sự đối xử không bình đẳng giữa các TPKT trong quá trình quản lý nền kinh tế của Nhà nước hoặc tạo ra sự không bình đẳng trong quá trình kinh doanh hoặc đầu tư thì những quy định của Hiến pháp đương nhiên hạn chế một phần QTDKD và tạo ra khiếm khuyết về cạnh tranh cho KTTT. Tự do kinh doanh và sự cạnh tranh lành mạnh của thị trường luôn đặt trong quan hệ chặt chẽ với vai trò QLKT của Nhà nước và với định hướng XHCN. Luận điểm hiến định này đặt ra hai vấn đề: cần làm rõ nội hàm của hoạt động QLKT của Nhà nước. Ghi nhận vai trò QLKT của Nhà nước trong Hiến pháp đòi hỏi đạo luật cơ bản này phải đặt ra giới hạn can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế và đòi hỏi hoạt động ấy không làm mất đi vai trò điều tiết tự nhiên của các quy luật, các quy tắc vận hành tất yếu của thị trường. Nếu sự can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế làm mất đi giá trị và khả năng tự điều tiết của thị trường, chắc chắn, sự can thiệp ấy sẽ làm biến dạng thị trường. Mặt khác, cần có sự song phẳng và bình đẳng giữa việc ghi nhận quyền QLKT với trách nhiệm minh bạch và trách nhiệm vật chất của Nhà nước đối với các chủ thể tham gia thị trường. Một khi Hiến pháp đặt các chủ thể kinh doanh vào môi trường chịu sự quản lý của Nhà nước thì Hiến pháp cũng cần có bảo đảm rằng môi trường quản lý ấy không gây ra bất kỳ rủi ro nào về kinh doanh cho họ. Cần định hình rõ đặc tính định hướng XHCN của thị trường trong Hiến pháp. Trong vấn đề này, đặc tính định hướng XHCN có làm thay đổi bản chất của thị trường hay là yếu tố cộng thêm để tạo bản sắc của thị trường Việt Nam và những nội dung của định hướng XHCN có ảnh hưởng đến sự bình đẳng trong kinh doanh và có can thiệp vào QTDKD của doanh nghiệp không. Khi ghi nhận định hướng XHCN là cơ sở pháp lý nền tảng cho chế độ kinh tế thì Hiến pháp không những cần chỉ rõ các yếu tố tạo nên định hướng này trong chế độ kinh tế, mà còn cần dự báo được những tác động và ảnh hưởng của các yếu tố đó đến sự vận hành chung của thị trường cạnh tranh.

### **2.1.5. Thực trạng quy định của pháp luật về quyền tổ chức lại, rút lui khỏi thị trường**

Theo Điều 207 Luật doanh nghiệp 2020, có hai hình thức giải thể doanh nghiệp đó là giải thể tự nguyện và giải thể bắt buộc. Giải thể tự nguyện là quyền của nhà đầu tư đối với việc rút lui khỏi thị trường kinh doanh, một trong các nhóm quyền của quyền tự do kinh doanh, gồm các trường hợp quy định tại Điểm a,b Khoản 1 Điều 207 Luật doanh nghiệp 2020.

- Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

- Theo nghị quyết, quyết định của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, của Hội đồng thành viên đối với công ty hợp danh, của Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; Giải thể bắt buộc do yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về doanh nghiệp do doanh nghiệp không đáp ứng được các điều kiện luật định. Bao gồm các trường hợp sau: Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp. Các quy định về giải thể doanh nghiệp đã tạo cơ sở pháp lý để chấm dứt tồn tại của doanh nghiệp, quan trọng hơn, nó còn bảo vệ quyền lợi của những chủ thể có liên quan, đặc biệt là quyền lợi của chủ nợ và người lao động khi doanh nghiệp chấm dứt tồn tại.

### **2.2 Thực tiễn thực hiện pháp luật về quyền tự do kinh doanh tại Hải Phòng hiện nay**

Thành phố đã xây dựng định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị; Quyết định số 821/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ



phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết Đảng bộ thành phố lần thứ XV. Theo đó, một trong những giải pháp tiếp tục được thành phố tập trung triển khai là cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thu hút nguồn lực phát triển KT-XH, tạo đà phát triển mạnh mẽ cho những năm tiếp theo.

Đến năm 2025: Thành phố Hải Phòng cơ bản hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá; đạt các tiêu chí đô thị loại I; trở thành thành phố công nghiệp theo hướng hiện đại; là trọng điểm kinh tế biển của cả nước, trung tâm dịch vụ logistics quốc gia, trung tâm đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ biển của cả nước, trung tâm nghề cá, dịch vụ hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc; Cát Bà, Đồ Sơn cùng với Hạ Long trở thành trung tâm du lịch quốc tế. Hoàn thành việc di chuyển trung tâm hành chính thành phố sang phía Bắc Sông cảm; xây dựng chính quyền đô thị với bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Một số chỉ tiêu cụ thể: Tỷ trọng đóng góp vào tổng sản phẩm (GDP) cả nước đạt khoảng 64%. Trong đó đóng góp vào GDP vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là 23,7%. Tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2018 - 2025 tối thiểu là 13%. GDP bình quân/người đạt 14.740 USD. Thu ngân sách trên địa bàn đạt 180.000 đến 190.000 tỉ đồng. Đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào GDP từ 44% - 45%. Cơ bản không còn hộ nghèo (theo chuẩn quốc gia). - Đến năm 2030: Trở thành thành phố công nghiệp phát triển hiện đại, thông minh, bền vững tầm cỡ khu vực Đông Nam Á; trung tâm dịch vụ logistics quốc tế hiện đại bằng cả đường biển, đường hàng không, đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao; trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ với các ngành nghề hàng hải, đại dương học, kinh tế biển. Cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại đặc biệt. Hoàn thành việc chuyển đổi 50% số huyện thành đơn vị hành chính quận. Chính quyền đô thị được xây dựng và hoàn thiện phù hợp với yêu cầu của thành phố thông minh. Một số chỉ tiêu cụ thể: Tỷ trọng đóng góp vào GDP cả nước đạt 8,2%; đóng góp vào GDP vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ 28,3%; tăng trưởng

GDP bình quân giai đoạn 2026 - 2030 thấp nhất là 12,5%; GDP bình quân/người đạt 29.900 USD; thu ngân sách trên địa bàn đạt 300.000 - 310.000 tỉ đồng; đóng góp của TFP vào GDP từ 48% - 50%

Tập trung nghiên cứu, đánh giá, phân tích các cơ chế, chính sách, kinh nghiệm, cách làm hay ở trong nước và quốc tế, đặc biệt là các cơ chế đang được áp dụng tại các khu thương mại tự do thành công trên thế giới, để có thể vận dụng phù hợp với điều kiện của thành phố Hải Phòng. Không ngừng cải thiện, tạo lập môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh có sức hấp dẫn, cạnh tranh cao. Đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút đầu tư, nhất là theo hình thức hợp tác công - tư (PPP); cải cách hành chính, đặc biệt là trong các lĩnh vực cấp phép đầu tư, tiếp cận đất đai và các nguồn lực, dịch vụ tài chính - ngân hàng, thủ tục hải quan, cải cách thuế quan, giảm tối đa chi phí logistics, minh bạch hoá công tác thanh tra, kiểm tra. - Chủ động thực hiện các hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; phân tích, dự báo diễn biến của chiến tranh thương mại, cạnh tranh giữa các nước lớn, chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch đang có chiều hướng gia tăng, tận dụng triệt để các cơ hội mang lại, hạn chế tối đa khó khăn, thách thức. - Nghiên cứu thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách mới, có tính đột phá, đặc thù cho thành phố Hải Phòng, đặt trong mối tương quan hợp lý với các thành phố lớn khác trong cả nước; thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm của chính quyền địa phương, người đứng đầu trong một số lĩnh vực như quản lý quy hoạch, đất đai, quản lý đô thị, đầu tư, tài chính - ngân sách, tổ chức, nhân sự và tiền lương

### **Xây dựng hình ảnh thành phố hấp dẫn, năng động**

Tập trung thực hiện sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; phối hợp các cơ quan liên quan giải quyết dứt điểm việc xử lý, cơ cấu lại Tập đoàn Vinashin, Yinalines, đặc biệt là đối với các công ty con đóng trên địa bàn thành phố Hải Phòng, bảo đảm quyền lợi, tài sản của Nhà nước, đời sống, việc làm của người lao động. - Đẩy mạnh phát triển khu vực kinh tế tập thể, tạo điều kiện thuận lợi để các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát triển hiệu quả trong mọi lĩnh vực, coi đây là nền tảng phát triển kinh tế - xã

hội bền vững. - Chú trọng phát triển kinh tế tư nhân, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng, tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, đặc biệt là trong các ngành kinh tế mũi nhọn, có lợi thế. - Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài chủ yếu thông qua tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi, tránh việc cạnh tranh dẫn đến cắt giảm thuế, phí quá mức, gây bất bình đẳng với các thành phần kinh tế khác, gây thất thoát ngân sách nhà nước. Ưu tiên thu hút đầu tư vào các ngành kinh tế mũi nhọn, các dự án có trình độ công nghệ cao, thân thiện với môi trường, có nghiên cứu phát triển, cam kết chuyển giao công nghệ, có khả năng lan toả, liên kết với các doanh nghiệp trong nước theo chuỗi giá trị.

Nghiên cứu xây dựng, phát triển một số cơ sở đào tạo, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao mà thành phố Hải Phòng có lợi thế, như kinh tế biển, hàng hải, vận tải biển, dịch vụ logistics, đóng tàu, cơ khí, chế biến, chế tạo, đầu tư, khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản... Xây dựng thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm quản lý, nghiên cứu, phát triển khoa học - công nghệ biển của cả nước. Nâng cấp một số cơ quan nghiên cứu khoa học biển, y học biển, cơ sở nghiên cứu khoa học và đào tạo do các bộ quản lý trên địa bàn thành phố ngang tầm trọng điểm quốc gia. Có cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá của thành phố Hải Phòng

Nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng - an ninh phải được thể hiện xuyên suốt trong từng chủ trương, chính sách, dự án phát triển kinh tế - xã hội của Hải Phòng đúng với vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng - an ninh của thành phố với cả nước. Mỗi bước phát triển kinh tế là một bước góp phần tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định quốc phòng - an ninh. Ưu tiên xây dựng các công trình quốc phòng - an ninh tuyến biển, đảo Bạch Long Vĩ, Cát Hải, Đồ Sơn, Tiên Lãng, xây dựng quân cảng Nam Đồ Sơn. Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm để mọi người dân,

mọi tầng lớp xã hội chung tay bảo vệ Tổ quốc; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội

### **2.3. Hạn chế, vướng mắc trong việc hiểu và vận dụng thể chế thực hiện pháp luật về quyền tự do kinh doanh**

- Pháp luật về bảo vệ quyền tự do kinh doanh có sự chồng chéo, mâu thuẫn. Trong những năm vừa qua, do chúng ta cố gắng làm biến đổi pháp luật một cách nhanh chóng để đáp ứng nhu cầu của công cuộc đổi mới nên đã làm cho một số lĩnh vực pháp luật có sự chồng chéo, mâu thuẫn khiến cho các chủ thể khi tham gia hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn do chính vướng mắc phát sinh từ luật pháp.

+ Sự chồng chéo trong quy định của pháp luật về hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp. Hiện nay nhiều văn bản luật vẫn quy định trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh như Luật Doanh nghiệp, tạo nên những thủ tục hết sức phức tạp trong đầu tư kinh doanh.

Ví dụ, trong Luật Đầu tư quy định: giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hoặc theo quy định của Luật về kinh doanh bảo hiểm, Bộ Tài chính là cơ quan cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài, Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thì trao quyền cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy phép đối với hoạt động dịch vụ xuất khẩu lao động, trong Luật Chứng khoán thì Ủy ban Chứng khoán là cơ quan cấp phép thành lập và hoạt động đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán...

Như vậy, quy định chồng chéo giữa Luật doanh nghiệp và luật chuyên ngành tạo ra một hệ quả xấu đó là tiêu tốn thời gian, chi phí giao dịch cho việc xin thêm các thủ tục để doanh nghiệp được phép hoạt động. Bên cạnh đó, từ việc chồng chéo này tạo nên một cơ chế xin cho trong quản lý hành chính, tạo điều kiện cho những cá nhân được giao quyền có cơ hội trục lợi bất chính từ pháp luật.

+ Sự chồng chéo còn được thể hiện giữa các quy định giữa Bộ luật Dân sự và các luật chuyên ngành. Trong Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định mười ba loại hợp đồng dân sự thông dụng. Tuy nhiên, còn rất nhiều quan hệ dân sự khác, với nhiều loại hợp đồng dân sự rất thông dụng, chưa được nhắc đến hoặc không được chỉ rõ trong Bộ luật Dân sự, như: Hợp đồng bảo vệ (dạng đặc biệt của hợp đồng dịch vụ); Hợp đồng cấp tín dụng (Luật Các tổ chức tín dụng chỉ nhắc đến tên hợp đồng, mà không quy định cụ thể); Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu (dạng đặc biệt của hợp đồng mua bán tài sản). Trong khi đó một số loại hợp đồng thì được quy định trùng lặp tại các đạo luật khác như: Hợp đồng bảo hiểm (Luật Bảo hiểm); Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Luật Đất đai); Hợp đồng vận chuyển hàng hóa (Bộ luật Hàng hải, Luật Hàng không dân dụng);

+ Một số quy định của pháp luật về thực hiện quyền tự do kinh doanh không có tính khả thi. Theo quy định hiện hành thì tiêu chí doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản đã được đơn giản hóa theo hướng, doanh nghiệp, Hợp tác xã không thanh toán được các khoản nợ đến hạn khi có chủ nợ yêu cầu thì bị coi là lâm vào tình trạng phá sản. Tuy nhiên, quy định này vẫn chỉ là định tính, không phản ánh đúng tình trạng tài chính thực tế của doanh nghiệp bị lâm vào tình trạng phá sản.

## TỔNG KẾT CHƯƠNG 2

Như vậy, qua những phân tích, đánh giá, nhận xét nêu trên điều mà tác giả muốn tỏ bày đó là việc quyền tự do kinh doanh qua thực tiễn tại Hải Phòng là một bộ phận quan trọng hợp thành hệ thống các quyền tự do của con người. Vì vậy, một mặt nó phải được xem như là một giá trị tự thân, mặt khác nó phải được Nhà nước quy phạm hóa bằng pháp luật thì mới có giá trị thực hiện. Bởi thế, quyền tự do kinh doanh qua thực tiễn tại Hải Phòng được hiểu là một phạm trù pháp lý.

Trước hết, nó là quyền năng của chủ thể được tiến hành mọi hoạt động kinh doanh mà pháp luật không cấm. Tiếp đó, quyền tự do kinh doanh qua thực tiễn tại Hải Phòng là tổng hợp những quy phạm pháp luật và những bảo đảm pháp lý do Nhà nước ban hành nhằm tạo điều kiện cho các cá nhân, thế nhân, pháp nhân thực hiện quyền chủ thể. Trong giai đoạn hiện nay, nhằm hướng đến một nhà nước dân quyền với cơ sở là một nền tảng kinh tế vững mạnh thì không thể không cổ xúy, đề cao vai trò của tự do kinh doanh. Bằng chủ trương, đường lối và chính sách pháp luật Đảng và Nhà nước ta khơi dậy, đồng thời tạo những hành lang pháp lý an toàn để từ đó tầng lớp thượng nhân nói riêng và toàn thể quần chúng nhân dân có thể tự do kinh doanh, phát huy tốt nhất khả năng của mình để làm giàu cho bản thân, cho gia đình và xã hội.

## **CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT**

### **3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về quyền tự do kinh doanh**

#### **3.1.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về quyền tự do kinh doanh**

+ Đảm bảo tính thống nhất trong việc điều chỉnh pháp luật về tổ chức và hoạt động của các NĐT thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. Hiến pháp 2013 đã khẳng định sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Đây là cam kết thể hiện sự quyết tâm của đất nước ta xây dựng một nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Việc thống nhất pháp luật điều chỉnh tổ chức và hoạt động của các NĐT khác nhau có thể tạo ra những hệ quả tích cực sau đây:

+ Tạo ra được sự tin tưởng của cộng đồng các nhà đầu tư, kể cả trong và ngoài nước, đối với chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc thu hút đầu tư, khai thác tiềm năng sẵn có để phát triển kinh tế xã hội, xóa đi sự mặc cảm về phân biệt đối xử vốn vẫn đọng lại do những quy định pháp luật trước đây. Đồng thời, sự thống nhất này còn có tác dụng làm cho hệ thống pháp luật của chúng ta tương thích hơn với pháp luật của các nước trên thế giới.

+ Tạo ra được sự thống nhất trong việc giải quyết những vấn đề rất chung của các loại hình doanh nghiệp thuộc những thành phần kinh tế khác nhau.

+ Việc thống nhất pháp luật về tổ chức và hoạt động của các loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau tạo ra cho chúng những điểm xuất phát đồng đều cho sự cạnh tranh lành mạnh;

+ Khắc phục được tình trạng mâu thuẫn và chồng chéo giữa những văn bản pháp luật đơn hành hiện nay. Để thực hiện được định hướng này, chúng ta cần phải đặc biệt chú trọng tới quy trình soạn thảo văn bản pháp luật.

#### **3.1.2. Đảm bảo tính hài hòa với pháp luật quốc tế**

Sự hội nhập của Việt nam vào kinh tế khu vực và thế giới trong điều kiện toàn cầu hóa là xu thế không thể đảo ngược. Việc gia nhập ASEAN, ký Hiệp định thương mại Việt - Mỹ và WTO, CCTPP, FTAs,... là sự thể hiện rõ nét nhất chính sách hội nhập của đất nước ta. Mục tiêu hội nhập quốc tế và khu vực là phát triển kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Một trong

những nền tảng của hội nhập là việc tạo ra hệ thống pháp luật hoàn thiện, đáp ứng đòi hỏi của nền kinh tế thị trường, đặc biệt là yêu cầu về tự do kinh doanh của nó. Khi hội nhập, chúng ta sẽ tham gia các quan hệ thương mại với các nước khác trên nền tảng pháp luật.

Chính vì vậy, tính hài hòa giữa pháp luật nước ta nói chung, nhất là pháp luật kinh tế, là một tiền đề không thể thiếu trong việc tạo dựng nền tảng pháp lý cho hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực của nước ta.

### **3.1.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền tự do kinh doanh**

- Ban hành đi các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp 2020. Các văn bản đã được ban hành khá kịp thời, đáp ứng nhu cầu cụ thể hóa và hướng dẫn tỉ mỉ các quy định của LDN trên nhiều khía cạnh. Song, để hiện thực hóa quyền tự do kinh doanh tất cả các ngành nghề mà pháp luật không cấm theo quy định tại Hiến pháp, làm cho doanh nghiệp trở thành công cụ kinh doanh thực sự an toàn, công năng và rẻ hơn, thì còn cần ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành LDN.

Đồng thời, trong quá trình rà xét, nhiều cơ quan soạn thảo vẫn chưa tách bạch các điều kiện đầu tư kinh doanh để tiếp cận thị trường của các chủ thể với các quy định về quy trình sản xuất, tiêu chuẩn đối với chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

- Bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp quy hiện hành có liên quan bảo đảm tính tương thích của luật pháp quốc tế mà chúng ta đã cam kết khi tham gia vào nền kinh tế thị trường chung của thế giới. Bên cạnh việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng thời phải đảm bảo việc thi hành luật một cách nghiêm chỉnh trong quá trình vận hành nền kinh tế của chúng ta. Khi nói đến việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, không thể không nói đến những tồn tại hiện nay trực tiếp ảnh hưởng tới môi trường kinh doanh đó là sự chậm chể, chông chéo trong việc các cơ quan quản lý ban hành các văn bản dưới luật gây ra khó khăn và thiệt thòi cho những người hoạt động kinh doanh. Và cũng từ đây một đòi hỏi tất yếu đặt ra là phải khắc phục tình trạng là luật chỉ quy định mang tính luật khung còn những vấn đề cụ thể lại dành cho văn bản dưới luật hướng dẫn



dẫn tới tình trạng luật phải chờ văn bản mới thực hiện được, làm cho luật chậm đi vào đời sống xã hội. Do vậy, các cơ quan quản lý nhà nước cần rà soát một cách toàn diện các văn bản liên quan đến tổ chức hoạt động của doanh nghiệp, để sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện cho phù hợp với tinh thần của LDN 2020,

- Bổ sung và hoàn thiện các công cụ đánh giá môi trường kinh doanh. Theo Ngân hàng Thế giới, những nền kinh tế được xếp hạng cao về môi trường kinh doanh có xu hướng kết hợp các hệ thống quy trình hiệu quả với một nền tảng pháp lý chặt chẽ để bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư. Nhìn chung, các nước thu nhập cao OECD có hệ thống quản lý thân thiện với người dùng nhất ở tất cả các khía cạnh. Các vùng Đông Á, châu Á Thái Bình Dương, Trung Đông và Bắc Mỹ có quy trình pháp lý khá hiệu quả nhưng vẫn còn thiếu nền tảng pháp lý vững mạnh về quản lý doanh nghiệp. Dưới đây là tổng hợp những quy định tiên bộ về kinh doanh mà nhiều chính phủ đã áp dụng nhằm cải thiện môi trường kinh doanh của mình:

*- Bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp quy hiện hành tạo điều kiện gia nhập thị trường dễ dàng*

+ Áp dụng quy trình đăng ký trực tuyến

+ Bỏ quy định về vốn tối thiểu

+ Xây dựng hệ thống đăng ký một cửa

- Tạo điều kiện đăng ký quyền sở hữu dễ dàng

+ Sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử

+ Cung cấp thông tin trực tuyến

+ Triển khai quy trình thủ tục nhanh chóng

- Bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp quy hiện hành về bảo vệ nhà đầu tư

+ Cho phép hủy bỏ các giao dịch gây thiệt hại của bên liên quan

+ Quy định chấp thuận các giao dịch của bên liên quan

+ Yêu cầu công khai chi tiết

+ Cho phép tiếp cận tất cả thông tin của doanh nghiệp trong thời gian xét xử.

- + Yêu cầu kiểm tra độc lập các giao dịch của bên liên quan
- + Cho phép tiếp cận tất cả tài liệu của doanh nghiệp trước khi xét xử
- + Xác định rõ nghĩa vụ của giám đốc - Bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp quy hiện hành tạo điều kiện nộp thuế dễ dàng
- + Cho phép tự đánh giá
- + Cho phép nộp hồ sơ và thanh toán trực tuyến
- + Xây dựng cơ sở một thuế/thuế
- Bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp quy hiện hành tạo điều kiện giao thương qua biên giới dễ dàng
- + Cho phép nộp và xử lý hồ sơ điện tử
- + Áp dụng các biện pháp thanh tra trên cơ sở đánh giá rủi ro
- + Áp dụng cơ chế một cửa
- Loại bỏ nguyên tắc mã hóa ngành nghề tương thích với hệ thống ngành kinh tế đồng thời tuân thủ các cam kết quốc tế. Qua thực thi LDN 2020, Luật Đầu tư 2014, danh mục ngành nghề cấm kinh doanh hay kinh doanh có điều kiện vẫn còn khá nhiều điểm chưa tương thích các nguyên tắc cam kết tại các hiệp định FTA, Ngay từ khâu đăng ký kinh doanh, nhà đầu tư có thể vấp phải rào cản thủ tục mã hóa ngành nghề dựa vào Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam. Hiện quy định hệ thống mã số ngành căn cứ theo Quyết định 10/2007/QĐ-TTg ngày 23-1-2007 của Thủ tướng Chính phủ và Biểu cam kết thương mại dịch vụ của Việt Nam trong Tổ chức Thương mại Thế giới (Cam kết WTO). Nghị định 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp tại điều 7.5 quy định đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi nhận ngành, nghề kinh doanh này vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nếu không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh. Tuy vậy, không ít nhà đầu tư gặp khó khăn nếu chọn kinh doanh những ngành nghề không thuộc danh mục ban hành. Yêu cầu “mã hóa” ngành nghề kinh doanh tương thích với hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam là một cản trở đối với doanh nghiệp khi mở rộng đầu tư theo nhu cầu của mình.

- Bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp quy hiện hành có liên quan. Hoàn thiện hệ thống pháp luật một cách đồng bộ bao gồm cả việc bảo đảm tính tương thích của luật pháp quốc tế mà chúng ta đã cam kết khi tham gia vào nền kinh tế thị trường chung của thế giới. Bên cạnh việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng thời phải đảm bảo việc thi hành luật một cách nghiêm chỉnh trong quá trình vận hành nền kinh tế của chúng ta. Khi nói đến việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, không thể không nói đến những tồn tại hiện nay trực tiếp ảnh hưởng tới môi trường kinh doanh đó là sự chậm chễ, chông chéo trong việc các cơ quan quản lý ban hành các văn bản dưới luật gây ra khó khăn và thiệt thòi cho những người hoạt động kinh doanh. Và cũng từ đây một đòi hỏi tất yếu đặt ra là phải khắc phục tình trạng là luật chỉ quy định mang tính luật khung còn những vấn đề cụ thể lại dành cho văn bản dưới luật hướng dẫn dẫn tới tình trạng luật phải chờ văn bản mới thực hiện được, làm cho luật chậm đi vào đời sống xã hội. Do vậy, các cơ quan quản lý nhà nước cần rà soát một cách toàn diện các văn bản liên quan đến tổ chức hoạt động của doanh nghiệp, để sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện cho phù hợp với tinh thần của Luật Doanh nghiệp 2020.

- Thực hiện nhất quán việc tiếp tục đơn giản hoá thủ tục và giảm chi phí cho doanh nghiệp. Xuất phát điểm của nước ta đó là một nền kinh tế được xây dựng trên mô hình kế hoạch, tập trung, bao cấp toàn bộ, các mục tiêu kinh tế được điều chỉnh bởi các mệnh lệnh hành chính. Nhận thức được quy luật phát triển của thời đại, Đảng và Nhà nước đã kiên quyết đổi mới, xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp, phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Mặc dù, hiện nay nền kinh tế nước ta đã đạt được những thành tựu đáng mừng, song bên cạnh đó tàn dư của cả thời kỳ kế hoạch hóa, bao cấp vẫn còn in đậm trong đời sống, ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường tự do kinh doanh. Độc quyền hành chính làm cản trở hoạt động kinh doanh, trì trệ môi trường kinh doanh. Chúng ta đang tích cực đổi mới, cải cách hành chính để tạo dựng được môi trường cạnh tranh lành mạnh nhưng trên thực tế vẫn tồn tại một số điểm yếu của cải cách hành chính trong thời gian qua là: chưa xác định rõ vai trò của Nhà nước và thị trường trong giai đoạn hiện nay,

không kiên quyết trong việc tổ chức lại bộ máy Nhà nước theo hướng tinh giản và năng động, thủ tục hành chính không được kiểm soát chặt chẽ về số lượng, về quy trình, chi phí và mức độ thân thiện.

Bởi vậy, để góp phần tạo ra một môi trường cạnh tranh lành mạnh, giảm bớt những tiêu cực trong cơ chế cạnh tranh cần phải đẩy mạnh cải cách hành chính, giải quyết tốt những tồn tại được nêu ở trên, trả lại sự công bằng đối với môi trường cạnh tranh. Các bộ, ban ngành cần tiếp tục rà soát, đánh giá lại, phát hiện các điểm bất hợp lý, kiến nghị bãi bỏ, hoặc đơn giản hoá, hợp lý hoá các quy định về hồ sơ, thủ tục đăng ký kinh doanh, điều kiện và thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh; chi phí và điều kiện gia nhập thị trường đối với doanh nghiệp. Huỷ bỏ các văn bản trái với LDN 2020.

### **3.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật**

Thứ nhất, tăng cường các chế tài đối với các hành vi vi phạm pháp luật bởi cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến thực hiện quyền tự do kinh doanh của các chủ thể có liên quan, cán bộ, công chức hay nhân viên của cơ quan này. Luật Doanh nghiệp 2015 đã nghiêm khắc đối với những doanh nghiệp vi phạm các qui định về quản lý nhà nước liên quan đến thực hiện quyền tự do kinh doanh của các chủ thể có liên quan và trao quyền cho cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến thực hiện quyền tự do kinh doanh của các chủ thể có liên quan xử lý. Các chế tài này bao gồm cả chế tài hình sự, chế tài dân sự và hành chính. Người nào đã bị xử lý hành chính về hành vi cố ý gây cản trở việc quản lý nhà nước liên quan đến thực hiện quyền tự do kinh doanh của các chủ thể có liên quan của doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đó.

Ngoài ra còn phải bồi thường dân sự cho người bị thiệt hại. Có như vậy pháp luật về quản lý nhà nước liên quan đến thực hiện quyền tự do kinh doanh của các chủ thể có liên quan mới được thực hiện một cách nghiêm chỉnh và tự do kinh doanh mới được bảo đảm,

Thứ hai, thực hiện việc tin học hóa công tác quản lý nhà nước. Hiện nay nhiều cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến thực hiện quyền tự do kinh doanh

của các chủ thể có liên quan đã triển khai quản lý nhà nước các chủ thể có liên quan qua mạng như ĐKKD, thuế, ..

Thứ ba, nâng cao đạo đức và ý thức của cán bộ, công chức và nhân viên của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến thực hiện quyền tự do kinh doanh của các chủ thể có liên quan. Việc vi phạm các qui định pháp luật về quản lý nhà nước liên quan đến thực hiện quyền tự do kinh doanh của các chủ thể có liên quan của cán bộ, công chức và nhân viên hầu hết là do sự suy thoái về đạo đức và thiếu ý thức.

### **Các giải pháp chung**

Thứ nhất, tổ chức quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo chuyển biến rõ rệt về nhận thức, hành động của lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành và toàn thể xã hội, Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước trong hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả các chính sách của tỉnh về tái cơ cấu nền kinh tế chuyển đổi mô hình tăng trưởng; cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; cải thiện môi trường đầu tư... tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững.

Thứ hai, tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao và thống nhất nhận thức về quyền tự do kinh doanh. Các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã phối hợp chặt chẽ với tổ chức đảng và cấp ủy tổ chức triển khai, nghiên cứu, quán triệt các nội dung của quyền tự do kinh doanh trong toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý..

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã, cơ quan truyền thông, báo chí làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, tạo đồng thuận xã hội, phát huy tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu, nỗ lực của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân để thực hiện quyền tự do kinh doanh được tốt.

Thứ ba, triển khai thực hiện tốt các quy định của pháp luật về sở hữu. Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp và các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố. Thực hiện công khai, minh bạch từ khâu xây dựng quy hoạch, kế hoạch cho đến khâu chuẩn bị đầu tư, lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện dự án. Tham mưu UBND tỉnh hoàn thành xây dựng Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm các chủ thể trong thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công trên địa bàn.

Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố. Tham mưu triển khai thực hiện Đề án của Trung ương về hoàn thiện pháp luật về hợp đồng và giải quyết tranh chấp dân sự bằng phương thức trọng tài thương mại, hòa giải thương mại và phương thức giải quyết tranh chấp khác ngoài tố tụng theo hướng thống nhất, đồng bộ, đảm bảo hiệu lực thực thi và bảo vệ quyền sở hữu tài sản thế chế quản lý đầu tư công (sau khi có hướng dẫn của Bộ Tư pháp). Tham mưu triển khai thực hiện thể chế, cải cách thủ tục hành chính về công chứng, chứng thực, đăng ký tài sản đảm bảo (sau khi có hướng dẫn của Bộ Tư pháp).

Thứ tư, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố. Quyết liệt chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các công tác liên quan đến cổ phần hóa như: Tuyên truyền, giải thích các chủ trương, chính sách cổ phần hóa cho người lao động; chỉ đạo công tác rà soát đất đai, tài sản trên đất; đánh giá, xác định giá trị doanh nghiệp và xây dựng phương án cổ phần hóa, tổ chức bán cổ phần theo đúng quy định.

Từ việc nghiên cứu những vấn đề lý luận về quyền tự do kinh doanh, vai trò của pháp luật kinh tế trong việc bảo đảm quyền tự do kinh doanh và nghiên cứu thực trạng pháp luật kinh tế bảo vệ quyền tự do kinh doanh ở nước ta hiện nay cho thấy vấn đề xây dựng và hoàn thiện pháp luật là yêu cầu khách quan. Quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật phải dựa trên những căn cứ nhất

định, phải bảo đảm tính khoa học, tính thực tiễn, tính khả thi, tính đồng bộ, tương thích của hệ thống pháp về bảo vệ quyền tự do kinh doanh. Trên cơ sở của những căn cứ được trình bày, tác giả luận văn xin đưa ra một số phương hướng cho việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền tự do kinh doanh ở nước ta bao gồm: xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ hướng tới việc thống nhất sự điều chỉnh pháp luật hoạt động kinh doanh của các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế. Xây dựng pháp luật phải mang tính khả thi, đảm bảo các yếu tố về tính logic, trật tự, thứ bậc trong hệ thống pháp luật. Nâng cao hơn nữa vai trò xây dựng chương trình làm luật xác đáng, sử dụng đội ngũ chuyên gia trong soạn thảo, thẩm tra dự án luật, tạo được một mô hình pháp luật phù hợp với định hướng kinh tế thị trường gắn với chủ nghĩa xã hội và bổ sung thêm nguồn của pháp luật từ hệ thống án lệ, tập quán bảo đảm tính hài hòa tương thích với pháp luật và tập quán quốc tế.

### TỔNG KẾT CHƯƠNG 3

Tóm lại, từ việc nghiên cứu những vấn đề lý luận về quyền tự do kinh doanh, vai trò của pháp luật kinh tế trong việc bảo đảm quyền tự do kinh doanh và nghiên cứu thực trạng pháp luật kinh tế bảo vệ quyền tự do kinh doanh ở nước ta hiện nay cho thấy vấn đề xây dựng và hoàn thiện pháp luật là yêu cầu khách quan. Quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật phải dựa trên những căn cứ nhất định, phải bảo đảm tính khoa học, tính thực tiễn, tính khả thi, tính đồng bộ, tương thích của hệ thống pháp về bảo vệ quyền tự do kinh doanh. Trên cơ sở của những căn cứ được trình bày, tác giả luận văn xin đưa ra một số phương hướng cho việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền tự do kinh doanh ở nước ta bao gồm: xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ hướng tới việc thống nhất sự điều chỉnh pháp luật hoạt động kinh doanh của các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế. Xây dựng pháp luật phải mang tính khả thi, đảm bảo các yếu tố về tính logic, trật tự, thứ bậc trong hệ thống pháp luật. Nâng cao hơn nữa vai trò xây dựng chương trình làm luật xác đáng, sử dụng đội ngũ chuyên gia trong soạn thảo, thẩm tra dự án luật, tạo được một mô hình pháp luật phù hợp với định hướng kinh tế thị trường gắn với chủ nghĩa xã hội và bổ sung thêm nguồn của pháp luật từ hệ thống án lệ, tập quán bảo đảm tính hài hòa tương thích với pháp luật và tập quán quốc tế.



## KẾT LUẬN CHUNG

Như vậy, qua những phân tích, đánh giá, nhận xét nêu trên điều mà tác giả muốn tỏ bày đó là việc bảo vệ quyền tự do kinh doanh là một bộ phận quan trọng hợp thành hệ thống các quyền tự do của con người. Vì vậy, một mặt nó phải được xem như là một giá trị tự thân, mặt khác nó phải được Nhà nước quy phạm hóa bằng pháp luật thì mới có giá trị thực hiện. Bởi thế, bảo vệ quyền tự do kinh doanh được hiểu là một phạm trù pháp lý. Trước hết, nó là quyền năng của chủ thể được tiến hành mọi hoạt động kinh doanh mà pháp luật không cấm. Tiếp đó, quyền tự do kinh doanh là tổng hợp những quy phạm pháp luật và những bảo đảm pháp lý do Nhà nước ban hành nhằm tạo điều kiện cho các cá nhân, thể nhân, pháp nhân thực hiện quyền chủ thể. Trong giai đoạn hiện nay, nhằm hướng đến một nhà nước dân quyền với cơ sở là một nền tảng kinh tế vững mạnh thì không thể không cổ xúy, đề cao vai trò của tự do kinh doanh. Bằng chủ trương, đường lối và chính sách pháp luật Đảng và Nhà nước ta khơi dậy, đồng thời tạo những hành lang pháp lý an toàn để từ đó tầng lớp thương nhân nói riêng và toàn thể quần chúng nhân dân có thể tự do kinh doanh, phát huy tốt nhất khả năng của mình để làm giàu cho bản thân, cho gia đình và xã hội. Với hàng nghìn năm văn hiến, bên cạnh đó là sự tiếp thu những tinh hoa của thế giới, dưới ánh sáng lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, chúng ta có niềm tin rằng Việt Nam ta sẽ sánh ngang với "các cường quốc trong năm châu", duy trì được sự ổn định và thịnh vượng của cả một dân tộc.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

\* Tài liệu bắt buộc:

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Hiến pháp năm 1992*, Hà Nội
2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Hiến pháp năm 201*, Hà Nội
3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Bộ luật Dân sự năm 2015*, Hà Nội
4. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật doanh nghiệp 2020*, Hà Nội
5. *Luật đầu tư năm 2020*
6. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 quy định chi tiết về xử phạt vì phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư*

\* Tài liệu tham khảo:

7. Báo cáo Phát triển Việt Nam của Ngân hàng Thế giới công bố năm 2018 - *Quyền con người trong thế giới hiện đại* do TS Phạm Khiêm Ích và GS TS Hoàng Văn Hãn Chủ biên, NXB Chính trị Quốc gia,
  8. Pháp luật trong cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước của PGS TS Trần Ngọc Đường, NXB Tư pháp,
  9. *Quyền tự do kinh doanh trong pháp luật kinh tế Việt Nam* - Ngô Huy Cương, *Góp phần bàn về cả cách pháp luật ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Tư pháp, 2006, tr. 140 - 141.
- Ngô Huy Cương, *Sự ảnh hưởng của pháp luật Pháp tới luật tư ở Việt Nam*, trong "*Ảnh hưởng của truyền thống pháp luật Pháp tới pháp luật Việt Nam*" (Sách chuyên khảo), đồng chủ biên bởi Amaud de Raulin, Jean-Paul Pastore,

*Trịnh Quốc Toàn và Nguyễn Hoàng Anh, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018, tr 114 - 115,*

*- Ngô Huy Cương, Dự án sửa đổi Luật Doanh nghiệp 2005: Bình thiện những vấn đề pháp lý chại yếu, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, Số 13 (269)/tháng 07/2014, tr 28,*